



**DIỄN ĐÀN ĐỐI THOẠI
GIỮA DOANH NGHIỆP VÀ CÁC SỞ BAN NGÀNH
TÌNH HÌNH YÊN**

Tháng 11-2006



Hãy tham gia

DIỄN ĐÀN ĐỐI THOẠI VỚI NHIỀU HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG MỚI

Chương trình phối hợp giữa GTZ và UBND tỉnh Hưng Yên

Chủ đề: THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ ĐẤT ĐAI

Mục tiêu tham dự:

Các doanh nghiệp có cơ hội trình bày và giải quyết vấn đề của mình ngay trong ngày
Những lãnh đạo cao nhất của các sở ban ngành tham dự sẽ có mặt

**LẦN ĐẦU TIÊN TRONG CUỘC ĐỐI THOẠI NÀY SẼ GIỚI THIỆU THÍ ĐIỂM
DỊCH VỤ TƯ VẤN PHÁP LÝ CHO CÁC CÂU HỎI VỀ LUẬT**

THỜI GIAN: ½ BUỔI, TUẦN THỨ 2/ THÁNG 6/ NĂM 2007

Thông tin chi tiết xin liên hệ:

**Văn phòng điều phối Chương trình
phát triển DNNVV Việt-Đức tại Hưng Yên**

Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên
8 Chùa Chương, thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
Tel: 0321. 551020 Fax: 0321. 551021
Email: hyoffice.sme@gtz-vietnam.com.vn

HOẶC

Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Hưng Yên

16 Nguyễn Huệ, thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
Tel: 0321. 565346 Fax: 0321. 565511
Email: hiephoihba@vnn.vn



GIỚI THIỆU

Ngày 30 tháng 11 năm 2006 Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Hưng Yên (HBA) phối hợp Ban Điều phối kinh tế địa phương (MPI) và Chương trình phát triển Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa Việt Nam Cộng hoà Liên Bang Đức (GTZ) tổ chức “Diễn đàn đối thoại giữa doanh nghiệp và Lãnh đạo các Sở, ngành”.

Đây là dịp để cộng đồng doanh nghiệp Hưng Yên phản ánh những khó khăn vướng mắc trong các lĩnh vực đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh ... cũng như kiến nghị, đề xuất và cùng các Sở, ngành trao đổi những biện pháp cải thiện môi trường kinh doanh tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2007 và những năm tiếp theo do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra.

Tại Diễn đàn đối thoại này đã có gần 100 câu hỏi của các doanh nghiệp đã được các Đồng chí Giám đốc các Sở, ngành trực tiếp giải đáp.

Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Hưng Yên, Ban Điều phối kinh tế địa phương và Chương trình phát triển doanh nghiệp Nhỏ và Vừa Việt - Đức đã tổng hợp lại thành tập tài liệu để phục vụ các doanh nghiệp. Tài liệu này đã được đưa lên trang mạng tại: "www.hungyen.gov.vn/doanh_nghiep hoặc www.hungyen.gov.vn/business".

Đây là tài liệu được biên tập lần đầu phục vụ cho các doanh nghiệp, chúng tôi mong các doanh nghiệp góp ý để rút kinh nghiệm cho các đợt đối thoại tiếp theo. Ý kiến đóng góp xin gửi về theo địa chỉ e-mail: hyoffice.sme@gtz-vietnam.com.vn

THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP VÀ ĐẦU TƯ

1. Luật Doanh nghiệp, Thủ tục thành lập và đăng ký kinh doanh

Câu 1: Luật doanh nghiệp (LDN) năm 2005 có đối tượng và phạm vi điều chỉnh như thế nào so với Luật doanh nghiệp năm 1999?

Trả lời:

Đối tượng áp dụng của Luật doanh nghiệp 2005, gồm:

- Các doanh nghiệp (DN) thuộc mọi thành phần kinh tế
- Tổ chức, cá nhân liên quan thành lập, tổ chức, quản lý hoạt động của DN

Phạm vi điều chỉnh:

- LDN 2005 điều chỉnh và áp dụng thống nhất về thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của các loại hình DN không phân biệt thành phần kinh tế, bao gồm: Doanh nghiệp tư nhân (DNTN), Công ty hợp danh (HD), Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), Công ty Cổ phần (CP) và nhóm công ty.

Câu 2: Công ty LDM là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm. Vậy khi thành lập doanh nghiệp thì trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp đó được áp dụng theo Luật doanh nghiệp hay Luật kinh doanh bảo hiểm?

Trả lời:

Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Câu 3: Công ty TNHH H.P đã quyết định đầu tư vốn thành lập công ty TNHH một thành viên a. Vậy theo quy định của pháp luật hiện hành, trong trường hợp này công ty TNHH H.P có được coi là công ty mẹ của Công ty TNHH một thành viên A được không?

Trả lời:

Được. Vì 1 công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty đó.

Câu 4: Theo quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành thì người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp được xác định là những người nào?

Trả lời:

Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp được xác định là những người sau:

- a- Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con;
- b- Công ty con đối với công ty mẹ;
- c- Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của DN đó thông qua các cơ quan quản lý DN;
- d- Người quản lý doanh nghiệp;
- đ- Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý doanh nghiệp hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
- e- Cá nhân được uỷ quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm a, b, c, d, đ;
- g- DN trong đó những người quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và h có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở DN đó;
- h- Nhóm người thoả thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.

Câu 5: Nhận thấy thị trường chuyển nhượng cầu thủ sôi động sau khi bóng đá Việt Nam đã chuyển sang chuyên nghiệp, Ông A đã quyết định đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực môi giới chuyển nhượng các cầu thủ. Tuy nhiên cơ quan đăng ký kinh doanh nơi ông yêu cầu đã từ chối với lý do chưa có quy định về kinh doanh trong lĩnh vực này. Vậy cơ quan đăng ký kinh doanh từ chối yêu cầu của ông A có được coi là đúng với quy định của pháp luật hiện hành không?

Trả lời:

Không đúng, vì ngành nghề ông A yêu cầu không thuộc ngành nghề lĩnh vực kinh doanh nhà nước cấm. Tuy nhiên, ông A chỉ được kinh doanh ngành nghề mới giới chuyển nhượng cầu thủ khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định pháp luật của Việt Nam về chuyển nhượng cầu thủ.

Câu 6. Doanh nghiệp là công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh khi thành lập theo Luật doanh nghiệp thì có quyền gì? và có các nghĩa vụ gì?

Trả lời:

DN thành lập theo luật doanh nghiệp có các quyền sau:

1. Tự chủ kinh doanh, chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
2. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng cả ký kết hợp đồng.
4. Kinh doanh xuất, nhập khẩu.
5. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
6. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.

7. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.
8. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của DN.
9. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.
10. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
11. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
12. Và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

DN thành lập theo Luật doanh nghiệp có các nghĩa vụ sau:

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.
2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán.
3. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.
5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.
6. Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của DN với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê

khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh.
8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Câu 7. Công ty cổ phần T.H do các cá nhân thành lập để hoạt động trong lĩnh vực thu gom và xử lý rác thải dịch vụ công ích. Vậy ngoài các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bình thường, công ty cổ phần T.H còn có các quyền và nghĩa vụ nào khác không?

Trả lời:

Ngoài quyền và nghĩa vụ của DN bình thường, Công ty CP T.H còn có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Được hạch toán và bù đắp chi phí theo giá thực hiện thầu hoặc thu phí sử dụng dịch vụ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Được đảm bảo thời hạn sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ thích hợp để thu hồi vốn đầu tư và có lãi hợp lý.
3. Sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ đủ số lượng, đúng chất lượng và thời hạn đã cam kết theo giá hoặc phí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.
4. Bảo đảm các điều kiện công bằng và thuận lợi như nhau cho mọi đối tượng khách hàng.
5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và khách hàng về số lượng, chất lượng, điều

- kiện cung ứng và giá, phí sản phẩm dịch vụ cung ứng.
6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Câu 8. Những người nào được thành lập, quản lý doanh nghiệp ở Việt Nam? Cá nhân không có quốc tịch Việt Nam có được đầu tư vốn để thành lập doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp không?

Trả lời:

Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức cá nhân nước ngoài có quyền thành lập và quản lý DN tại Việt Nam theo quy định của LDN, trừ các trường hợp sau đây:

1. Cơ quan Nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước để thành lập DN kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình.
2. Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.
3. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc quân đội nhân dân Việt Nam; Sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam.
4. Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo uỷ quyền để quản lý phần góp vốn của Nhà nước tại DN khác.
5. Người chưa thành niên, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
6. Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị toà án cấm hành nghề kinh doanh.
7. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản.

Câu 9. Có ý kiến cho rằng để huy động vốn vào phát triển kinh tế, Luật doanh nghiệp năm 2005 quy định bất kỳ cá nhân nào cũng có quyền góp vốn vào các doanh nghiệp để kinh doanh trừ cán bộ công chức nhà nước. Vậy ý kiến đó là đúng hay sai?

Trả lời:

Tổ chức, cá nhân có quyền mua cổ phần của công ty CP, góp vốn vào công ty TNHH, công ty HD theo quy định của LDN, trừ các trường hợp sau:

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước để góp vốn vào DN để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình.
2. Các đối tượng không được góp vốn vào DN theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

Câu 10. Trong thoả thuận về việc thành lập công ty TNHH X, các sáng lập viên nhất trí để ông A ký hợp đồng thuê căn hộ M để làm trụ sở kinh doanh của công ty. Thực hiện theo thoả thuận ông A đã lấy danh nghĩa của mình để ký hợp đồng thuê căn hộ này. Vậy khi công ty TNHH X được thành lập, thì hợp đồng thuê căn hộ đó sẽ xử lý như thế nào?

Trả lời:

Nếu công ty TNHH X được thành lập thì công ty TNHH X là người tiếp nhận quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng ông A đã ký kết theo thoả thuận trước đó của các thành viên.

Câu 11. Ông A đứng tên cá nhân ký hợp đồng thuê nhà làm trụ sở theo thoả thuận của các sáng lập viên, nhưng sau đó công ty TNHH X không được thành lập, thì Ông A có phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với hợp đồng nhà đó không?

Trả lời:

Nếu công ty TNHH X không được thành lập thì Ông A chịu trách nhiệm hoặc liên đới chịu trách nhiệm tài sản về việc thực hiện hợp đồng đã ký kết theo thoả thuận trước đó của các thành viên.

Câu 12. Theo quy định của pháp luật hiện hành, thời gian cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Vậy khi Ông M đã lập hồ sơ đăng ký kinh doanh doanh nghiệp tư nhân gửi cơ quan đăng ký kinh doanh đã quá thời hạn 10 ngày mà cơ quan đăng ký kinh doanh không có thông báo bằng văn bản về việc từ chối hay chấp thuận. Vậy Ông M có được coi là đăng ký kinh doanh hợp pháp và hoạt động kinh doanh bình thường theo quy định của pháp luật hay không?

Trả lời:

Không được coi là đã đăng ký kinh doanh. Pháp luật quy định doanh nghiệp chỉ được kinh doanh sau khi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Ông M phải đến cơ quan để nhận hồ sơ đăng ký kinh doanh của ông theo giấy hẹn để được biết kết quả.

Câu 13. Bà B muốn thành lập doanh nghiệp tư nhân mang tên bà. Vậy theo quy định của pháp luật hiện hành, hồ sơ đăng ký kinh doanh đối với Doanh nghiệp tư nhân B phải có những giấy tờ gì?

Trả lời:

Bà B phải có các Giấy tờ sau:

1. Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh của bà B theo mẫu thống nhất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
2. Bản sao Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của bà B.
3. Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nếu bà B đăng ký kinh doanh ngành nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định.
4. Chứng chỉ hành nghề của giám đốc hoặc của bà B nếu bà B đăng ký kinh doanh ngành nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

Câu 14. Nguyễn Văn B và Trần Thị K muốn thành lập công ty hợp danh B&K để kinh doanh vàng. Vậy theo quy định của pháp luật hiện hành, hồ sơ đăng ký kinh doanh đối với công ty hợp danh phải có những loại giấy tờ gì?

Trả lời:

Hồ sơ đăng ký kinh doanh công ty HD, gồm:

1. Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty hợp danh B và K của người đại diện công ty theo quy định của pháp luật, theo mẫu thống nhất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
2. Dự thảo Điều lệ công ty hợp danh B và K.
3. Danh sách thành viên, bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của ông B và K.
4. Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nếu công ty hợp danh B&K đăng ký kinh doanh ngành nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định.
5. Chứng chỉ hành nghề của giám đốc hoặc của ông B, bà K nếu công ty hợp danh B&K đăng ký kinh doanh ngành nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

Câu 15. Ông H cùng một nhóm 6 người muốn thành lập công ty TNHH. Vậy hồ sơ đăng ký kinh doanh đối với công ty TNHH phải có những giấy tờ gì?

Trả lời:

Hồ sơ đăng ký kinh doanh đối với công ty TNHH gồm có những giấy tờ sau:

1. Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty TNHH của người đại diện công ty do ông H và 6 người khác thành lập, theo quy định của pháp luật, theo mẫu thống nhất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
2. Dự thảo Điều lệ công ty TNHH do ông H và 6 người khác thành lập.

3. Danh sách thành viên, bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các thành viên
4. Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nếu công ty TNHH do ông H và 6 người khác thành lập đăng ký kinh doanh ngành nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định
5. Chứng chỉ hành nghề của giám đốc hoặc của ông H, của các thành viên khác, nếu công ty TNHH do ông H và 6 người khác thành lập đăng ký kinh doanh ngành nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề

Câu 16. Một nhóm cổ đông gồm 10 người muốn thành lập công ty cổ phần X. Vậy khi làm thủ tục đăng ký kinh doanh thì hồ sơ đăng ký thành lập công ty cổ phần gồm có những giấy tờ gì?

Trả lời:

Hồ sơ đăng ký kinh doanh của công ty CP do nhóm cổ đông gồm 10 người thành lập, gồm:

1. Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty CP của người đại diện theo quy định của pháp luật của công ty do nhóm cổ đông gồm 10 người thành lập, theo mẫu thống nhất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
2. Dự thảo Điều lệ công ty CP do nhóm cổ đông gồm 10 người thành lập thông qua.
3. Danh sách thành viên, bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của 10 cổ đông.
4. Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nếu

công ty CP do nhóm cổ đông gồm 10 người thành lập, đăng ký kinh doanh ngành nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định.

5. Chứng chỉ hành nghề của giám đốc hoặc của ông H, của các thành viên khác, nếu công ty CP do nhóm cổ đông gồm 10 người thành lập, đăng ký kinh doanh ngành nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

Câu 17. Ông C muốn thành lập doanh nghiệp tư nhân X nhưng không biết nội dung đơn xin đăng ký kinh doanh như thế nào? Vậy theo quy định của pháp luật hiện hành đối với trường hợp của ông C thì đơn xin đăng ký kinh doanh phải có những nội dung gì?

Trả lời:

Hiện tại, theo quy định của LDN không có đơn xin đăng ký kinh doanh, mà chỉ có Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh doanh nghiệp tư nhân.

Mẫu Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh doanh nghiệp tư nhân như sau:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ KINH DOANH DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Kính gửi: Phòng đăng ký kinh doanh tỉnh Hưng Yên

Tôi là: (ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa).....Nam/Nữ

Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:.....

Email:Website:

**Đăng ký kinh doanh doanh nghiệp tư nhân
do tôi làm chủ với nội dung sau:**

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:.....

Tên doanh nghiệp viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax

Email:Website:.....

3. Ngành, nghề kinh doanh:

4. Vốn đầu tư ban đầu:

Tổng số:

Trong đó:

- Tiền Việt Nam:

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi:

- Vàng:

- Tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo đơn).....

5. Tên địa chỉ chi nhánh:

6. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:

7. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:

Tôi cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại Điều 13 của Luật doanh nghiệp; Không đồng thời là thành viên hợp danh của công ty hợp danh, không đồng thời là chủ doanh nghiệp tư nhân và không đồng thời là chủ hộ kinh doanh cá thể khác.

- Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của tôi;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung đăng ký kinh doanh.

.....ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ DOANH NGHIỆP

Câu 18. Pháp luật hiện hành quy định Điều lệ công ty phải gồm những nội dung chủ yếu nào?

Trả lời:

Pháp luật hiện hành quy định Điều lệ công ty phải gồm những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện.
2. Ngành, nghề kinh doanh.
3. Vốn điều lệ; cách thức tăng, giảm vốn điều lệ.
4. Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch và các đặc điểm cơ bản khác của các thành viên hợp danh đối với công ty HD; của chủ sở hữu công ty, thành viên đối với công ty TNHH; của cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần.
5. Phần vốn góp và giá trị vốn góp đối với công ty TNHH và công ty HD; số cổ phần của cổ đông sáng lập, loại cổ phần, mệnh giá cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại đối với công ty CP.
6. Quyền và nghĩa vụ của thành viên đối với công ty TNHH; công ty HD; của cổ đông đối với công ty CP.
7. Cơ cấu tổ chức quản lý.
8. Người đại diện theo pháp luật đối với công ty TNHH, công ty CP.
9. Thể thức thông qua quyết định của công ty; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ
10. Căn cứ vào phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý và thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên.
11. Những trường hợp thành viên có quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp đối

- với công ty TNHH hoặc cổ phần đối với công ty CP.
12. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh.
 13. Các trường hợp giải thể, trình tự giải thể và thủ tục thanh lý tài sản công ty.
 14. Thể thức sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty.
 15. Họ, tên, chữ ký của các sáng lập viên hợp danh; của người đại diện theo pháp luật, của chủ sở hữu công ty, của các thành viên hoặc người đại diện theo uỷ quyền đối với công ty TNHH; của người đại diện theo pháp luật, của các cổ đông sáng lập, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông sáng lập đối với công ty CP.
 16. Các nội dung khác do thành viên, cổ đông thoả thuận nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

Câu 19. Bà D và các bà T, X cùng góp vốn để thành lập công ty TNHH M. Khi lập danh sách các thành viên công ty để đăng ký kinh doanh, bà D cho rằng danh sách chỉ cần có chữ ký của bà là người đại diện theo pháp luật của công ty mà không cần chữ ký của thành viên còn lại vẫn được chấp nhận và coi là hợp pháp. Vậy ý kiến của bà D trong trường hợp nêu trên là đúng hay sai?

Trả lời:

Ý kiến của bà D là sai: Danh sách thành viên công ty TNHH phải lập theo mẫu thống nhất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Danh sách thành viên theo mẫu phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên và của người đại diện theo pháp luật của công ty.

Câu 20: Sau khi cấp giấy đăng ký kinh doanh cho công ty S, cơ quan đăng ký kinh doanh đã có công văn yêu cầu công ty khi hoạt động phải thông báo với chính quyền địa phương nơi đặt trụ sở chính của công ty biết. Vậy yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh đối với công ty S có đúng với quy định của pháp luật hiện hành không?

Trả lời:

Pháp luật hiện hành quy định:

Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho công ty S, cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo nội dung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác cùng cấp, UBND quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và UBND xã, phường, thị trấn nơi DN đặt trụ sở chính.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty S phải đăng trên mạng thông tin DN của cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc 1 trong các tờ báo viết hoặc báo điện tử trong 3 số liên tiếp về các nội dung chủ yếu trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty S phải thông báo thời gian mở cửa tại trụ sở chính với cơ quan đăng ký kinh doanh.

Câu 21. Công ty AB thành lập công ty con lấy tên là công ty A&B. Khi đăng ký kinh doanh đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh từ chối với lý do tên gọi dễ gây nhầm lẫn với công ty mẹ AB. Công ty AB cho rằng hai công ty này là công ty mẹ- công ty con nên pháp luật vẫn cho phép đặt tên như vậy. Vậy ý kiến của công ty AB có phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành không?

Trả lời:

Ý kiến của công ty AB không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về đặt tên doanh nghiệp.

Luật doanh nghiệp quy định tên trùng và tên gây nhầm lẫn là tên viết bằng tiếng Việt của DN yêu cầu đăng ký kinh doanh chỉ khác tên DN đã đăng ký bởi ký tự "&".

Câu 22: Công ty TNHH H dự định ký kết hợp đồng thương mại với công ty cổ phần A, nhưng không biết ngành nghề kinh doanh và người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần A có đúng như khi đàm phán hợp đồng hay không. Vậy trong trường hợp này công ty TNHH H có quyền yêu cầu cơ quan đăng ký kinh doanh cấp bản sao Điều lệ của công ty cổ phần A cho mình không?

Trả lời:

Khi đàm phán công ty TNHH H muốn biết công ty CP A kinh doanh ngành nghề gì, ai là người đại diện theo pháp luật, thì công ty TNHH H có quyền yêu cầu công ty CP A xuất trình các giấy tờ liên quan đến nội dung đàm phán để đi đến ký kết hợp đồng thương mại, trong đó có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, điều lệ công ty CP A.

Trong trường hợp công ty CP A không cung cấp, thì công ty TNHH H có thể yêu cầu cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho công ty CP A cấp bản sao điều lệ của công ty CP A và công ty TNHH H phải trả phí theo quy định của pháp luật.

Câu 23. Việc công bố thông tin về doanh nghiệp H sau khi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Việc công bố thông tin về doanh nghiệp H sau khi đăng ký kinh doanh được pháp luật quy định như sau:

Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp H, cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo nội dung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã cấp cho doanh nghiệp H cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác cùng cấp, UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và UBND xã, phường, thị trấn nơi doanh nghiệp H đặt trụ sở chính;

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty H phải đăng trên mạng thông tin DN của cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc 1 trong các tờ báo viết hoặc báo điện tử trong 3 số liên tiếp về các nội dung chủ yếu trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty H phải thông báo thời gian mở cửa tại trụ sở chính với cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho công ty H.

2. Chủ sở hữu và quyền sở hữu doanh nghiệp

Câu 24. Anh K đã dùng một số tài sản là trái phiếu không ghi danh trị giá 100 triệu đồng để góp vốn vào công ty cổ phần DV. Vậy trong trường hợp này anh K có phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho công ty cổ phần DV tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền không?

Trả lời:

Có, nếu anh K dùng trái phiếu không ghi danh trị giá 100 triệu đồng để góp vốn vào công ty CP DV, thì anh K phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu trái phiếu trị giá 100 triệu đồng đó cho công ty CP DV. Việc chuyển quyền sở hữu số trái phiếu trên thực hiện bằng việc giao nhận trái phiếu có xác nhận bằng biên bản giao nhận.

Biên bản giao nhận phải ghi rõ họ tên, địa chỉ thường trú, số, ngày cấp, nơi cấp giấy chứng minh nhân dân của anh K; loại trái phiếu, số tờ trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, số CP tương ứng trong vốn điều lệ của công ty CP DV, ngày giao, nhận; chữ ký của anh K và người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần DV.

Câu 25. Anh C đã tham gia vào công ty TNHH LVA bằng cách góp vốn bằng cổ phần mà anh C nắm giữ tại công ty cổ phần VA. Vậy việc anh C dùng cổ phần của công ty cổ phần VA mà mình sở hữu để góp vốn vào công ty TNHH LVA như trường hợp nêu trên có được coi là đúng với quy định của pháp luật hiện hành hay không?

Trả lời:

Không đúng: nếu anh C vẫn là thành viên của công ty CP VA sau khi anh C đã cam kết dùng số Cổ phần của mình có tại công ty CP VA làm vốn góp vào công ty TNHH LVA. Chỉ đúng khi anh C chuyển quyền sở hữu số cổ phần mà anh C nắm giữ tại công ty CP VA sang công ty TNHH LVA bằng biên bản giao nhận giữa anh C và công ty TNHH LVA. Khi đó công ty TNHH LVA sẽ thay thế anh C là chủ sở hữu số cổ phần trước đây anh C làm chủ sở hữu tại công ty CP VA. Anh C hết quyền tại công ty CP VA.

Câu 26. Ông M thành lập doanh nghiệp tư nhân M mang tên mình. Vậy sau khi doanh nghiệp tư nhân M đăng ký kinh doanh tại cơ quan có thẩm quyền thì Ông M có phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản của mình sang doanh nghiệp mà ông đã bỏ vốn ra để thành lập doanh nghiệp không?

Trả lời: Không

Câu 27: Khi ông B thay mặt nhóm cổ đông sáng lập đến cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng ký thành lập công ty cổ phần M thì bị cơ quan đăng ký kinh doanh từ chối với lý do công ty M đặt trùng tên với công ty TNHH M đã được đăng ký trước đó. Nhưng ông B cho rằng trường hợp công ty ông không bị coi là trùng tên vì đây thuộc hai loại hình doanh nghiệp khác nhau. Vậy ý kiến của ông B có đúng với quy định của pháp luật hiện hành không?

Trả lời: Đúng.

3. Ưu đãi đầu tư

Câu 28: Tỉnh Hưng Yên có địa phương nào (huyện, xã) được ghi trong danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư theo Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ không?

Trả lời:

Tỉnh Hưng Yên không có địa phương nào (huyện, xã) được ghi trong danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư theo Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ.

Câu 29. Công ty chuyên sản xuất tinh chế thức ăn gia súc có nằm trong danh mục ưu đãi đầu tư theo Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ không?

Trả lời:

Công ty chuyên sản xuất tinh chế thức ăn gia súc có nằm trong danh mục ưu đãi đầu tư theo Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ.

Câu 30. Công ty sử dụng thường xuyên gần 3000 lao động và đang xây dựng dự án đầu tư một hàng may xuất khẩu giai đoạn đầu sẽ tuyển dụng 500 lao động tại địa phương. Như vậy dự án của công ty có được nằm trong danh mục ưu đãi đầu tư theo Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ không? Và nếu có thì ưu đãi cho công ty như thế nào?

Trả lời:

DN sử dụng thường xuyên bình quân/ năm từ 500 lao động trở lên, có được ưu đãi đầu tư theo Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ.

Các ưu đãi gồm: Miễn, giảm thuế thu nhập DN; miễn, giảm tiền thuê đất; miễn, giảm thuế nhập khẩu, xuất khẩu hàng hoá gia công cho nước ngoài; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ được Bộ Khoa học công nghệ xác nhận, ô tô 24 chỗ ngồi trở lên, phương tiện thuỷ chuyên đưa đón công nhân viên; linh kiện chi tiết, phụ tùng, giá lắp, khuôn mẫu, vật tư... trong nước chưa sản xuất được, giống cây trồng, vật nuôi được phép nhập khẩu để thực hiện dự án, hàng hoá nhập khẩu của DN BOT và nhà thầu để thực hiện dự án BOT...

Câu 31. Công ty đang xây dựng dự án vào khu công nghiệp Phố Nối B (Khu công nghiệp này đã được Chính phủ phê duyệt). Như vậy dự án của công ty có được hưởng các chế độ ưu đãi đầu tư không? Các chế độ ưu đãi đó như thế nào?

Trả lời:

DN đầu tư vào Khu công nghiệp Phố Nối B có được ưu đãi đầu tư theo Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ.

Các ưu đãi gồm: Miễn, giảm thuế thu nhập DN; miễn, giảm tiền thuê đất; miễn, giảm thuế nhập khẩu, xuất khẩu hàng hoá gia công cho nước ngoài; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ được Bộ Khoa học công nghệ xác nhận, ô tô 24 chỗ ngồi trở lên, phương tiện thuỷ chuyên đưa đón công nhân viên; linh kiện chi tiết, phụ tùng, giá lắp, khuôn mẫu, vật tư... trong nước chưa sản xuất được, giống cây trồng, vật nuôi được phép nhập khẩu để thực hiện dự án, hàng hoá nhập khẩu của DN BOT và nhà thầu để thực hiện dự án BOT...

Câu 32. Công ty đang triển khai dự án đầu tư sản xuất trong khu (cụm) công nghiệp làng nghề X, công ty có được hưởng chế độ ưu đãi đầu tư không?

Trả lời:

Công ty đầu tư sản xuất trong khu (cụm) công nghiệp làng nghề X có được ưu đãi đầu tư theo Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ./.

1. *Doanh nghiệp tư nhân với quyền và mục đích sử dụng đất*

Câu 33: Doanh nghiệp tư nhân muốn biết những chủ thể nào được coi là người sử dụng đất theo quy định của pháp luật Việt Nam?

Trả lời:

Luật đất đai được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26/11/2003, tại Điều 9 quy định: Người sử dụng đất quy định trong luật này bao gồm:

1. Các tổ chức trong nước bao gồm: cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức kinh tế - xã hội, tổ chức sự nghiệp công, đơn vị vũ trang nhân dân và các tổ chức khác theo quy định của Chính phủ (sau đây gọi chung là tổ chức) được Nhà nước giao đất hoặc công nhận quyền sử dụng đất; tổ chức kinh tế nhận chuyển quyền sử dụng đất;

2. Hộ gia đình, cá nhân trong nước (sau đây gọi chung là hộ gia đình, cá nhân) được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất;
3. Cộng đồng dân cư gồm cộng đồng người Việt Nam sinh sống trên cùng địa bàn thôn, làng, ấp bản, buôn, phum, sóc và các điểm dân cư tương tự có cùng phong tục, tập quán hoặc có chung dòng họ được Nhà nước giao đất hoặc công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất;
4. Cơ sở tôn giáo gồm: chùa, nhà thờ, thánh đường, tu viện, trường đào tạo riêng của tôn giáo được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất hoặc giao đất;
5. Tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao gồm cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện khác của nước ngoài có chức năng ngoại giao được chính phủ Việt Nam thừa nhận; cơ quan đại diện của tổ chức liên hợp quốc, cơ quan hoặc tổ chức liên chính phủ, cơ quan đại diện của tổ chức liên Chính phủ được Nhà nước Việt Nam cho thuê đất.
6. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài về đầu tư, hoạt động văn hoá, hoạt động khoa học thường xuyên hoặc về sống ổn định tại Việt Nam được Nhà nước Việt Nam giao đất, cho thuê đất, được mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở;
7. Tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vào Việt Nam theo pháp luật về đầu tư được Nhà nước Việt Nam cho thuê đất.

Như vậy, Doanh nghiệp tư nhân là tổ chức kinh tế, là chủ thể được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Câu 34. Khi chị X góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất vào công ty TNHH D thì chị X có phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu đất cho công ty TNHH D hay không?

Trả lời:

Có, nếu chị X góp vốn vào công ty TNHH D bằng giá trị quyền sử dụng đất, thì chị X phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho công ty TNHH D, tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Việc chuyển quyền sử dụng đất từ chị X sang công ty TNHH D không phải chịu lệ phí trước bạ.

Câu 35: Doanh nghiệp tư nhân hỏi: Đối với mảnh đất của doanh nghiệp tư nhân đã được xác định theo mục đích nhất định vey ngoài mục đích sử dụng đó, doanh nghiệp có quyền sử dụng đất kết hợp với mục đích khác không? Doanh nghiệp có quyền thay đổi mục đích sử dụng đất không?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Luật đất đai, người sử dụng đất có nghĩa vụ: “Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới thửa đất, đúng quy định về sử dụng đất sâu trong lòng đất và chiều cao trên không, bảo vệ các công trình công cộng trong lòng đất và tuân thủ theo các quy định khác của pháp luật”.

Như vậy, doanh nghiệp không có quyền sử dụng đất kết hợp với mục đích khác; không có quyền thay đổi mục đích sử dụng đất.

Câu 36: Doanh nghiệp tư nhân hỏi: Doanh nghiệp có nhu cầu mở chi nhánh tại thị trấn B thuộc huyện Y nên có mua một mảnh đất rộng 660m², trong đó có 500m² là đất thổ cư, còn lại là đất ao, đất vườn. Chủ cũ đã có sổ đỏ muốn hỏi doanh nghiệp có thể chuyển thành đất xây dựng trụ sở được không. Vậy doanh nghiệp sẽ phải nộp những khoản tiền gì? Thủ tục như thế nào?

Trả lời:

Câu hỏi của doanh nghiệp chưa thể hiện rõ, nên không trả lời được; vì chủ cũ đã có sổ đỏ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) nhưng là tổ chức hay hộ gia đình, cá nhân, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) ghi là đất được Nhà nước cho thuê hay được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, sử dụng vào mục đích gì mới xác định được có quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất không? Từ đó mới xác định có được nhận quyền sử dụng đất không, hồ sơ, thủ tục nhận chuyển nhượng và các khoản phí, lệ phí, thuế phải nộp. Doanh nghiệp cần liên hệ thêm với Sở tài nguyên môi trường nếu muốn tìm hiểu thêm thông tin.

Câu 37: Doanh nghiệp X lập dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trên đất được UBND tỉnh quyết định cho thuê và đã được cấp sổ đỏ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đối với diện tích đất trong dự án. Qua một thời gian triển khai, để đảm bảo tính khả thi của dự án, doanh nghiệp được phép điều chỉnh dự án thu hẹp quy mô dự án ở một số hạng mục, do đó một phần diện tích đã được giao có thể không dùng đến. Xin hỏi doanh nghiệp có được phép chuyển đổi phần đất đó sang làm nhà chung cư cho công nhân không, hoặc sang nhượng lại quyền sử dụng đất đối với những diện tích đất thừa như vậy không?

Trả lời:

Doanh nghiệp X lập dự án đầu tư để sản xuất kinh doanh trên đất được UBND tỉnh quyết định cho thuê và đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ (sổ đỏ), doanh nghiệp phải có trách nhiệm đầu tư để sản xuất kinh doanh trên diện tích thuê theo đúng mục đích sử dụng đất ghi trong dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nhưng do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan, doanh nghiệp không sử dụng hết diện tích được thuê, đã lập dự án điều chỉnh và sử dụng không hết diện tích đã thuê, phần diện tích không dùng đến theo quy định tại khoản 2, 3, 8 Điều 38 và Điều 111 Luật đất đai, doanh nghiệp phải trả lại đất cho Nhà nước; không được phép chuyển đổi phần diện tích đó sang làm nhà chung cư cho công nhân ở, không có quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê.

Câu 38: Ngân hàng hoạt động tại Việt Nam đang nhận thế chấp bằng quyền sử dụng đất của khách hàng vay vốn. Qua thông tin trên báo chí được biết khách hàng vay vốn có một số hành vi vi phạm pháp luật về đất đai, có thể bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất. Ngân hàng hỏi quyền sử dụng đất đang được thế chấp tại Ngân hàng có bị thu hồi hay không? Nếu quyền sử dụng đất bị thu hồi thì quyền lợi của ngân hàng đến đâu, vì ngân hàng đang cầm bản chính thức giấy chứng nhận QSDĐ và đã tiến hành giao dịch bảo đảm?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 106 Luật đất đai: Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-BTP-BTNMT ngày 16/5/2005 của Bộ Tư Pháp, Bộ tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký, thế chấp, bảo lãnh quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, người sử dụng đất có quyền thế chấp, bảo lãnh quyền sử dụng đất tại các ngân hàng hoạt động tại Việt Nam.

Người sử dụng đất đã đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng quyền SDD, tài sản gắn liền với đất, khi sử dụng đất có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai đến mức bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định thu hồi đất thì quyền sử dụng đất đang được thế chấp tại ngân hàng không còn. Theo quy định tại Điều 130 Luật đất đai và Thông tư số 05/2005/TTLT-BTP-BTNMT của Bộ tư pháp, Bộ tài nguyên môi trường; để đảm bảo quyền lợi, Ngân hàng và người sử dụng đất đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng thực hiện xử lý xoá đăng ký thế chấp, bảo lãnh quyền sử dụng đất và theo các quy định của pháp luật.

Câu 39: Một số hộ kinh doanh góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thành lập doanh nghiệp mới (Pháp nhân mới), xin hỏi trường hợp nào thì doanh nghiệp mới hình thành phải chuyển sang thuê đất, trường hợp nào không phải chuyển sang thuê đất?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 113, Điều 114 Luật đất đai, hộ kinh doanh được góp vốn bằng quyền sử dụng đất là những hộ được Nhà nước giao đất cấp thu tiền sử dụng đất. Nếu khi góp vốn với các hộ kinh doanh khác cùng có đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất để sản xuất kinh doanh (pháp nhân mới) thì doanh nghiệp mới được hình thành không phải chuyển sang thuê đất; còn nếu góp vốn bằng quyền sử dụng đất nhưng lại muốn đầu tư sản xuất kinh doanh ở địa điểm khác thì phải xin thuê đất.

2. Khu công nghiệp và quyền sử dụng đất

Câu 40: Doanh nghiệp H muốn đầu tư vào khu công nghiệp Phố Nối, vậy xin hỏi: doanh nghiệp có thể được sử dụng đất dưới dạng nào trong khu công nghiệp?

Trả lời:

Theo quy định tại Nghị định 36/NĐ-CP ngày 24/4/1997 của Chính phủ ban hành quy chế khu công nghiệp, khu chế xuất; Khu công nghiệp Phố Nối (gồm khu công nghiệp Phố Nối A, B) là các khu công nghiệp được Chính phủ công nhận, có Công ty đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, Doanh nghiệp H muốn đầu tư sản xuất vào khu công nghiệp Phố Nối được thuê lại đất tại khu công nghiệp thông qua Công ty đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của khu công nghiệp, quy định tại Điều 90 của Luật đất đai; Điều 84 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.

Câu 41: Một Ngân hàng đang thẩm định dự án của doanh nghiệp STC để cho vay trung hạn. Việc thế chấp quyền sử dụng đất là điều kiện bắt buộc để giải ngân vay vốn. Nhưng công ty STC còn chưa trả đủ tiền sử dụng đất cho Nhà nước. Hỏi người sử dụng đất chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước thì theo quy định của pháp luật đất đai, thời điểm nào doanh nghiệp mới được phép đem quyền sử dụng đất để thế chấp ngân hàng?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 107 Luật Đất đai, người đang sử dụng có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật. Nếu doanh nghiệp chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước thì doanh nghiệp chưa được Nhà nước bàn giao đất, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; vì vậy không được phép dùng quyền sử dụng đất để đăng ký thế chấp, bảo lãnh quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng. Khi doanh nghiệp đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà nước thì được Nhà nước giao đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi đó mới được đem quyền sử dụng đất để thế chấp tại ngân hàng.

3. Thế chấp quyền sử dụng đất

Câu 42: Doanh nghiệp B có dự án đầu tư, muốn được thuê QSDĐ của một đơn vị khác để thực hiện dự án, song mục đích sử dụng đất đó lại không phù hợp với việc thực hiện dự án thì có được phép hay không? Nếu thời gian sử dụng đất còn lại của thửa đất định thuê ngắn hơn thời gian cần thiết để thực hiện dự án thì chủ đầu tư có được phép thuê đất hay không?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 110 Luật đất đai, tổ chức kinh tế được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất đã trả không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, thì có quyền cho thuê QSDĐ; Doanh nghiệp B có dự án đầu tư muốn được thuê QSDĐ của một tổ chức khác để thực hiện dự án phải thuê QSDĐ của tổ chức kinh tế có quyền cho thuê QSDĐ và phải sử dụng đất đúng mục đích của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo quy định tại khoản 3 Điều 67 Luật Đất đai chỉ được thuê trong thời gian được giao đất cho tổ chức được Nhà nước giao đất. Nếu kéo dài thời gian thuê đất thì phải được cấp có thẩm quyền cho phép hoặc cho phép gia hạn.

Câu 43: Một doanh nghiệp được tỉnh quyết định cho thuê đất để thực hiện dự án sản xuất mặt hàng tiêu dùng và xuất khẩu trong thời gian triển khai dự án, doanh nghiệp gặp khó khăn về vốn nên dự án bị ngưng trệ, doanh nghiệp muốn chuyển nhượng QSDĐ đã giao cho để thực hiện dự án cho một đối tác khác có được không?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 111 Luật đất đai, doanh nghiệp được Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất để thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh, không có quyền chuyển nhượng QSDĐ, theo quy định tại khoản 8 Điều 38 Luật đất đai, nếu doanh nghiệp không thực hiện dự án thì làm đơn xin trả lại đất, Nhà nước thu hồi đất để cho doanh nghiệp khác thuê theo quy định của pháp luật.

Câu 44: Một doanh nghiệp đã được tỉnh giao đất có thu tiền SDD, để được giao đất, doanh nghiệp đã thực hiện đền bù cho đối tượng phải di dời theo quyết định của UBND tỉnh. Theo quyết định, Doanh nghiệp phải nộp tiền SDD nữa mới được cấp sổ đỏ (GCNQSDĐ). Doanh nghiệp hỏi: việc nộp tiền sử dụng đất dựa trên những căn cứ nào? Có tính đến khoản tiền doanh nghiệp đã trả tiền cho bên di dời trước đó không?

Trả lời:

Doanh nghiệp đã thực hiện đền bù cho đối tượng phải di dời theo quyết định của UBND tỉnh nhưng nội dung đền bù không rõ? Nên không trả lời được vì việc đền bù gồm đền bù đất, tài sản trên đất và các tài sản khác nếu có.

Câu 45: Cơ quan nào có thẩm quyền đăng ký thế chấp bảo lãnh QSDĐ?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 mục II Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-BTP-BTNMT ngày 16/6/2005 của Bộ tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng QSDĐ, tài sản gắn liền với đất như sau:

Thẩm quyền đăng ký thế chấp bảo lãnh

1. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có đất, tài sản gắn liền với đất thực hiện đăng ký thế chấp, bảo lãnh trong trường hợp bên thế chấp, bên bảo lãnh là tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài.
2. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi có đất, tài sản gắn liền với đất hoặc phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi có đất, tài sản gắn liền với đất đối với nơi chưa thành lập hoặc không thành lập Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (sau đây gọi chung là Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện) thực hiện đăng ký, thế chấp, bảo lãnh trong trường hợp bên thế chấp, bảo lãnh là hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được mua nhà gắn liền với quyền sử dụng đất ở.

Câu 46: Một ngân hàng cho vay và nhận thế chấp bằng QSDĐ, sau khi ký hợp đồng thế chấp QSDĐ, ngân hàng và bên thế chấp đã thực hiện thủ tục công chứng và đăng ký hợp đồng bảo đảm. Sau khi đã giải ngân, một số nội dung trong dự án có sự thay đổi, Ngân hàng băn khoăn không rõ có phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi hay không, xin cho biết khi nào thì các bên phải đăng ký những việc thay đổi này?

Trả lời:

Theo quy định tại mục IV Thông tư liên Bộ số 05/2005/TTLT-BTP-BTNMT ngày 16/6/2005 của Bộ tư pháp và Bộ Tài nguyên Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp; bảo lãnh

bằng QSDĐ, tài sản gắn liền với đất, Ngân hàng cho vay và nhận thế chấp bằng quyền sử dụng đất; khi đã hoàn thành các thủ tục thế chấp QSDĐ, sau khi giải ngân phát hiện có một số nội dung thế chấp, bảo lãnh có thay đổi về dự án, về tài sản... thì đăng ký thay đổi nội dung thế chấp bảo lãnh đã đăng ký.

4. Môi trường

Câu 47: Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình và đối tượng khác, việc cam kết bảo vệ môi trường như thế nào?

Trả lời:

- Đối tượng phải có bản cam kết bảo vệ môi trường được quy định theo quy định tại Điều 24 Luật bảo vệ môi trường 2005.
- Việc lập, đăng ký, xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường được hướng dẫn chi tiết tại mục IV của Thông tư số 08/2006/TT-BTNMT ngày 08/09/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan có trách nhiệm thực hiện và kiểm tra việc thực hiện cam kết bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 27 Luật bảo vệ môi trường 2005;

Câu 48: Những đối tượng nào phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường? Nội dung của việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường? Cơ quan nào phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường?

Trả lời:

- Đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại điều 18 Luật bảo vệ môi trường 2005;
- Dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại Phụ lục I, II kèm theo Nghị định số 80/2006/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường 2005;
- Việc lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; thực hiện, kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được hướng dẫn chi tiết tại mục III của Thông tư số 08/2006/TT-BTNMT ngày 08/09/2006 của Bộ tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Câu 49: Doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp Phố Nối B, biết tỉnh đã có quy hoạch khu vực quản lý, xử lý chất thải, xin hỏi đến bao giờ Khu công nghiệp Phố Nối B triển khai dự án này?

Trả lời:

- Về nước thải công nghiệp: Khu công nghiệp Phố Nối B (Vinatex) giai đoạn I có diện tích khoảng 23 ha được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khá hoàn chỉnh, trong đó đã đầu tư xây dựng 01 trạm thu gom xử lý nước thải tập trung công suất 10.000 m³/ngày đêm đáp ứng nhu cầu xử lý nước thải của các doanh nghiệp đầu tư trong khu công nghiệp Phố Nối B.

- Về rác thải: Hiện nay tỉnh Hưng Yên đã quy hoạch và đang triển khai đầu tư xây dựng các khu xử lý rác thải nhưng các dự án còn đang trong quá trình triển khai lập dự án xây dựng, do vậy trước mắt các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh chất thải rắn có thể liên hệ với Văn phòng đại diện của Công ty môi trường đô thị Hà Nội (URENCO) cạnh cây xăng Quân đội phố Bần Yên Nhân huyện Mỹ Hào hợp đồng vận chuyển xử lý, cụ thể:

1. Bãi chôn lấp chất thải rắn tại Thị trấn Khoái Châu, Huyện Khoái Châu; tổng diện tích 1,5288 ha (UBND tỉnh ra thông báo số 44/TB-UB ngày 11/03/2005 chỉ đạo việc đầu tư xây dựng).
2. Dự án "Khu xử lý chất thải Đại Đồng" của Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Môi trường đô thị tại xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tổng diện tích khu xử lý khoảng 10ha, công suất xử lý chất thải rắn 170 tấn rác thải/ngày trong giai đoạn 1 và tăng lên 400 tấn rác thải/ngày vào năm 2010 giai đoạn 2 (Thông báo số 116/TB- UBND ngày 12/07/2006 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc tiếp nhận dự án đầu tư "Khu xử lý chất thải Đại Đồng").
3. Dự án đầu tư "Nhà máy xử lý rác thải theo công nghệ seraphin (phân loại, tái chế rác, sản xuất phân vi sinh, sản xuất vật liệu xây dựng) của công ty cổ phần thương mại tư vấn và xây dựng Hoàng Hải tại xã Lý Thường Kiệt huyện Yên Mỹ với diện tích mặt bằng dự án 5ha, công suất chế biến 200 tấn rác thải rắn/ngày với tổng kinh phí đầu tư khoảng 53,66 tỷ đồng (quyết định số 01/QĐ-UB ngày 04/01/2005 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc chấp thuận dự án đầu tư "Nhà máy xử lý rác thải theo công nghệ seraphin").
4. Khu liên hợp sinh thái môi trường của Thị xã Hưng Yên rộng 23ha thuộc địa bàn các xã Trung Nghĩa, xã Bảo Khê và Phường An Tảo (Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 14/08/2006 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn thị xã Hưng Yên giai đoạn 1).

Câu 50: Hiện nay tình trạng có một số doanh nghiệp, chủ hộ kinh doanh... lợi dụng ban đêm đem chất thải của đơn vị mình, đem đổ bên lề đường vào hàng rào doanh nghiệp. Xin hỏi: cơ quan nào chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra xử lý tình trạng gây ô nhiễm môi trường như thế này?

Trả lời:

Tại khoản 2 Điều 4 Luật bảo vệ môi trường 2005 nêu “bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn xã hội, quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân”. Cơ quan chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra, xử lý việc lợi dụng đổ chất thải ra lề đường, ven hàng rào... được quy định tại Điều 122 Luật bảo vệ môi trường 2005;

Nếu tổ chức cá nhân phát hiện các hiện tượng lợi dụng đổ chất thải ra lề đường, ven hàng rào... xảy ra vào ban đêm cần báo ngay cho chính quyền địa phương phối hợp cùng với nhân dân kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật.

Câu 51: Trong khu công nghiệp, có doanh nghiệp không thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường gây ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp khác. Xin hỏi việc xử lý của cơ quan có thẩm quyền như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 122 Luật bảo vệ môi trường 2005, quy định trách nhiệm, thẩm quyền quyết định việc xử lý, các hình thức xử lý đối với tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường. Tùy theo hành vi, mức độ vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường mà bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 81/2006/NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Chính phủ về xử phạt theo quy định vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường./.

1. Hoàn thuế giá trị gia tăng

Câu hỏi 52: Khi lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT gửi đến Chi cục thuế thì có phải nộp hợp đồng kinh tế, tờ khai hải quan, hoá đơn GTGT, Invoice, chứng từ thanh toán qua ngân hàng đến cơ quan thuế không? Trong cùng một tháng công ty được gửi bao nhiêu hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT?

Trả lời :

Căn cứ quy định tại Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật thuế GTGT và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế GTGT thì :

1. Hồ sơ hoàn thuế đối với trường hợp hàng hoá xuất khẩu bao gồm :
 - Các hồ sơ nêu tại điểm 1, mục II, phần D Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính .

- Biên bản thanh lý Hợp đồng uỷ thác xuất khẩu hoặc uỷ thác gia công hàng xuất khẩu (trường hợp đã kết thúc hợp đồng) hoặc Biên bản đối chiếu công nợ định kỳ giữa bên uỷ thác xuất khẩu và bên nhận uỷ thác xuất khẩu (đối với trường hợp uỷ thác xuất khẩu hoặc uỷ thác gia công xuất khẩu).

- Bảng kê các hồ sơ có chữ ký và đóng dấu của cơ sở. Bảng kê ghi rõ:

- + Số, ngày tờ khai xuất khẩu của hàng hóa xuất khẩu (trường hợp uỷ thác xuất khẩu phải ghi số, ngày tờ khai xuất khẩu của cơ sở nhận uỷ thác).
- + Số, ngày hợp đồng xuất khẩu hoặc số, ngày hợp đồng uỷ thác xuất khẩu, uỷ thác gia công đối với trường hợp uỷ thác xuất khẩu, uỷ thác gia công xuất khẩu.
- + Hình thức thanh toán, số, ngày, số tiền của chứng từ thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu.

Hợp đồng kinh tế, tờ khai hải quan, hoá đơn GTGT và chứng từ thanh toán qua ngân hàng lưu tại cơ sở kinh doanh, cơ sở kinh doanh không phải gửi bản photo các chứng từ đó đến cơ quan thuế.

2. Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ trong 3 tháng liên tục trở lên (Không phân biệt niên độ kế toán) có số thuế đầu vào chưa được khấu trừ thì được xét hoàn thuế hoặc trong tháng có hàng hoá dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo tháng (Đối với trường hợp này nếu trong tháng thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết bao gồm cả thuế đầu vào của hàng hoá, dịch vụ trong nước thì cũng được tính vào số thuế được hoàn trong tháng). Như vậy, mỗi tháng cơ sở kinh doanh chỉ gửi một bộ hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT.

Câu hỏi 53 : Đề nghị hướng dẫn thủ tục xác nhận hồ sơ hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA

Trả lời :

Hồ sơ đề nghị hoàn thuế không cần phải xác nhận của Kho bạc Nhà nước mà do chủ dự án chịu trách nhiệm xác nhận về việc dự án không được Ngân sách Nhà nước cấp vốn đối ứng để trả thuế GTGT cụ thể như sau :

Khi nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT cho cơ quan thuế, các chủ dự án phải có văn bản giải trình cụ thể cơ cấu vốn để thực hiện dự án, trong đó xác định rõ dự án không được ngân sách Nhà nước cấp vốn đối ứng để trả thuế GTGT, nguyên nhân không được Ngân sách nhà nước cấp vốn (Trừ các dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại do các tổ chức quốc tế trực tiếp quản lý và sử dụng vốn ODA để triển khai các dự án đó) Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về việc xác nhận nêu trên và số thuế Giá trị gia tăng đề nghị hoàn.

Câu hỏi 54 : Doanh nghiệp vừa kinh doanh các mặt hàng tiêu thụ nội địa và các mặt hàng nông sản xuất khẩu. Để giảm thiểu khó khăn về vốn, đồng thời xác định số thuế phải nộp cho từng hoạt động, doanh nghiệp đề nghị tách riêng hoạt động xuất khẩu và hoạt động nội địa. Nếu phát sinh thuế phải nộp thì doanh nghiệp nộp thuế, nếu thuế đầu vào của hoạt động xuất khẩu đủ điều kiện thì được hoàn thuế, không được bù trừ thuế GTGT phải nộp và được hoàn giữa hai hoạt động này.

Trả lời :

Căn cứ quy định tại Điểm 1, Mục I, phần D Thông tư số 120/2003/TT/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế GTGT thì :

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ nếu trong 3 tháng liên tục trở lên (không phân biệt liên độ kế toán) có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết thì được xét hoàn thuế .

Trường hợp doanh nghiệp vừa kinh doanh các mặt hàng tiêu thụ nội địa vừa xuất khẩu hàng hoá, nếu có số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo tháng. Trường hợp trong tháng thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết bao gồm cả thuế đầu vào của hàng hoá dịch vụ bán ra trong nước thì cũng được tính vào số thuế được hoàn trong tháng .

Câu hỏi 55 : Doanh nghiệp mua nguyên vật liệu đầu vào không có hoá đơn, chứng từ mua là giấy viết tay, nên phải nộp thuế GTGT 10% trên doanh thu. Doanh nghiệp đề nghị được giảm thuế suất thuế GTGT có được không?

Trả lời :

Doanh nghiệp mua nguyên vật liệu đầu vào không có hoá đơn, chứng từ mua là giấy viết tay, do đó không phải trả tiền thuế Giá trị gia tăng cho người bán hàng nên cũng không có thuế Giá trị gia tăng đầu vào để khấu trừ.

Luật thuế Giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thi hành không có quy định giảm thuế suất thuế Giá trị gia tăng. Vì vậy doanh nghiệp đề nghị được giảm thuế suất thuế Giá trị gia tăng là không được thực hiện.

Câu hỏi 56: Doanh nghiệp có thể được hoàn thuế không nếu họ trình với cơ quan thuế: giấy nộp tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước được Kho bạc xác nhận là sẽ được hoàn thuế; còn biên lai thuế XNK sẽ bổ sung sau?

Trả lời :

Theo quy định tại điểm 1.3, mục III, Mục I, phần B Thông tư số 120/2003/TT/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế GTGT thì :

“ Căn cứ để xác định số thuế đầu vào được khấu trừ là số thuế GTGT của hàng hoá dịch vụ mua vào, chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu ; chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài theo hướng dẫn của Bộ Tài chính áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động kinh doanh tại Việt Nam không thuộc các hình thức đầu tư theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam”.

Căn cứ quy định nêu trên thì hàng hoá nhập khẩu đã có giấy nộp tiền vào NSNN, đã được Kho bạc Nhà nước xác nhận được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào và được hoàn thuế GTGT.

Câu hỏi 57: Công ty A mua hàng của công ty B ở tỉnh N. Nhưng khi cơ quan thuế xác minh thì công ty B đã bỏ trốn và hóa đơn bán hàng lại do cơ quan thuế tỉnh cấp. Công ty A cho rằng hàng hóa mua vào là có thật, hóa đơn do Bộ Tài chính phát hành. Cơ quan thuế xử lý thu hồi thuế giá trị gia tăng đầu vào trên hóa đơn đó có đúng không?

Trả lời:

Theo quy định tại điểm 1.3, mục II, phần B Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính thì hóa đơn được khấu trừ thuế GTGT đầu vào phải là hóa đơn hợp pháp. Trường hợp mua hàng của công ty B trước khi có thông báo của cơ quan chức năng về việc công ty B bỏ trốn, nếu công ty A cam kết và chịu trách nhiệm về việc mua hàng này là đúng thì cơ quan thuế không xử lý thu hồi thuế GTGT đầu vào trên hóa đơn đã mua của công ty B. Khi các cơ quan chức năng điều tra và có kết luận công ty B bỏ trốn và bán hàng khống về số hàng mà công ty B đã bán thì cơ quan thuế sẽ xử lý thu hồi thuế GTGT đầu vào trên hóa đơn này.

Trường hợp mua hàng hóa của công ty B sau khi có thông báo của cơ quan chức năng về việc công ty B đã bỏ trốn thì cơ quan thuế sẽ xử lý thu hồi thuế GTGT đầu vào trên hóa đơn GTGT này là đúng quy định.

Câu hỏi 58: Doanh nghiệp L thanh lý tài sản (nhà cửa) phải chịu thuế GTGT. Vậy khi tái đầu tư (mua nhà xưởng, văn phòng, đất đai và xây dựng) có được hoàn thuế GTGT bán tài sản không?

Trả lời:

Căn cứ phần D Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính thì đơn vị không được hoàn thuế GTGT đầu ra của tài sản thanh lý (nhà cửa).

Căn cứ tiết b, tiết c, điểm 1.2, mục III, phần B thông tư nêu trên thì khi công ty tái đầu tư (mua nhà xưởng, văn phòng, đất đai và xây dựng) có hóa đơn GTGT, tài sản đó phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT thì công ty được khấu trừ, hoàn số thuế GTGT đã ghi trên hóa đơn GTGT mua tài sản.

Câu hỏi 59: Doanh nghiệp có mua một số sản phẩm, dịch vụ để tặng khách hàng phân phát tại hội chợ... Liệu doanh nghiệp có được khấu trừ thuế GTGT? Doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục, chứng từ gì cho đúng quy định.

Trả lời:

Căn cứ điểm 3, mục I, phần B Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính thì doanh nghiệp mua một số sản phẩm và dịch vụ để tặng khách hàng các lần hội chợ, khi tặng cho khách hàng doanh nghiệp phải xuất hóa đơn GTGT, tính và kê khai nộp thuế GTGT, giá tính thuế GTGT được xác định theo giá tính thuế của hàng hóa cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh các hoạt động này. Thuế GTGT trên hóa đơn của hàng hóa mua vào dùng để tặng được khấu trừ và khoản chi phí để tặng hạch toán vào khoản chi phí khác theo mức khống chế quy định tại điểm 11, mục III, phần B thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính.

2. kê khai, hạch toán thuế và nộp thuế

Câu hỏi 60: Công ty H có đăng ký kinh doanh và có trụ sở chính đóng tại Hà Nội, có số thuế GTGT đầu vào lũy kế lớn hơn số thuế GTGT đầu ra. Công ty có phát sinh doanh thu xây lắp tại Hưng Yên (theo quy định của Luật thuế GTGT thì công ty phải đóng thuế GTGT trên doanh thu đầu ra tại Hưng Yên). Hỏi công ty có được quyết toán và nộp thuế tại trụ sở chính và không phải nộp thuế tại Hưng Yên?

Trả lời:

Căn cứ điểm 2, mục II, phần C Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính thì:

Các cơ sở xây dựng, lắp đặt có tổ chức các đơn vị phụ thuộc không có tư cách pháp nhân như: tổ, đội xây dựng, ban quản lý công trình thực hiện xây lắp các công trình ở địa phương khác (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) nơi cơ sở đóng trụ sở chính thì đơn vị xây dựng, lắp đặt hoặc cơ sở chính phải kê khai doanh thu và thuế GTGT nộp tại địa phương nơi xây dựng công trình, hạng mục công trình theo tỷ lệ bằng 3% trên giá thanh toán công trình, hạng mục công trình chưa có thuế GTGT. Cơ sở xây dựng, lắp đặt có trách nhiệm kê khai, quyết toán thuế GTGT theo chế độ quy định với cơ quan thuế nơi đóng trụ sở chính. Số thuế GTGT đã nộp nơi xây dựng công trình được tính vào số thuế GTGT đã nộp khi cơ sở xây dựng kê khai nộp thuế GTGT tại văn phòng trụ sở chính. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc thực hiện xây dựng công trình, hạng mục công trình ở địa phương khác sử dụng mã số thuế, hoá đơn của đơn vị cấp trên; sử dụng Tờ khai thuế GTGT (theo mẫu số 07C/GTGT ban hành kèm theo Thông tư này).

Theo quy định trên thì Công ty H phải kê khai nộp thuế GTGT với Cục thuế Tỉnh Hưng Yên với tỷ lệ 3% trên giá trị công trình xây dựng chưa có thuế GTGT. Số thuế GTGT đã nộp tại Hưng Yên được tính vào số thuế GTGT đã nộp khi công ty kê khai quyết toán thuế GTGT tại Hà Nội.

Câu hỏi 61: Thuế GTGT khâu nhập khẩu, doanh nghiệp không cập nhật thông tin, nên kê khai vào ngày khai báo trên tờ khai Hải quan; 25 ngày sau đóng thuế XNK và thuế GTGT khâu nhập khẩu đầy đủ, không kê khai trùng. Vậy có bị trưng thu và phạt khoản thuế kê khai nhầm hay không?

Trả lời:

Do đơn vị hỏi không rõ về kê khai khấu trừ thuế GTGT của hàng hóa nhập khẩu hay là kê khai thuế GTGT khâu nhập khẩu. Vậy Cục thuế trả lời như sau:

Nếu kê khai thuế GTGT khâu nhập khẩu thì căn cứ điểm 3, mục II, phần C Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính thì đơn vị phải kê khai và nộp tờ khai thuế GTGT theo từng lần nhập khẩu cùng với việc kê khai thuế nhập khẩu với cơ quan Hải Quan thu thuế nhập khẩu.

Nếu kê khai khấu trừ thuế GTGT của hàng hóa nhập khẩu thì Căn cứ tiết 1.2, điểm 1, mục III, phần B Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính thì số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của hàng nhập khẩu là số thuế GTGT ghi trên chứng từ nộp thuế của hàng hóa nhập khẩu còn trong hạn kê khai.

Vậy trường hợp của đơn vị kê khai số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của hàng nhập khẩu căn cứ vào tờ khai hàng nhập khẩu khi chưa có chứng từ nộp thuế GTGT của hàng hóa nhập khẩu là không đúng.

Trường hợp đơn vị có chứng từ nộp thuế GTGT của hàng hóa nhập khẩu cùng trong tháng với tờ khai hải quan thì đơn vị điều chỉnh lại các căn cứ kê khai trên bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào và không làm thay đổi số thuế GTGT phải nộp trong tháng.

Trường hợp đơn vị có chứng từ nộp thuế GTGT của hàng hóa nhập khẩu phát sinh vào các tháng sau thì làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ nộp thuế GTGT của tháng đã kê khai, vì vậy đơn vị bị xử lý theo quy định của Luật thuế GTGT.

Câu 62: Doanh nghiệp A đã mượn một số nhân viên thời vụ của doanh nghiệp B, trả phí đầy đủ . Xin hướng dẫn ghi doanh thu của doanh nghiệp B, chi phí của doanh nghiệp A, chứng từ kế toán, hoá đơn GTGT... ?

Trả lời:

Trường hợp đơn vị hỏi cơ quan thuế hướng dẫn như sau:

Công ty A thuê nhân viên của công ty B để thực hiện công việc theo thời vụ. Đây thực chất là hoạt động thuê nhân công làm việc thời vụ giữa các DN. Do đó hai bên phải có hợp đồng cụ thể về số lượng lao động thuê và khối lượng, thời gian công việc hoàn thành; số tiền thuê theo thời vụ. Khi kết thúc hợp đồng công ty A phải trả tiền thuê nhân công cho công ty B. Công ty B phải xuất hoá đơn GTGT cho công ty A. Số tiền trên theo hoá đơn được lập là doanh thu của công ty B đồng thời là chi phí của công ty A. Thuế suất

thuế GTGT ghi trong hoá đơn là mức thuế suất thuế GTGT phù hợp với công việc hoàn thành mà người lao động của công ty B cho công ty A thuê thực hiện. (Ví dụ: thuê nhân công xây dựng công trình áp dụng thuế suất đối với hoạt động xây dựng 10%, thuê nhân công để sửa chữa máy móc thiết bị sản xuất áp dụng thuế suất hoạt động sửa chữa máy móc thiết bị là 5%).

Câu hỏi 63: Khi chuyển đổi loại hình DN (TNHH sang công ty cổ phần) có phải quyết toán thuế không? Việc chuyển tài sản cho nhau như thế nào? Có phải xuất hoá đơn GTGT không? Hạch toán như thế nào? Mã số thuế có thay đổi không?

Trả lời:

Theo qui định tại điều 14 Luật thuế TNDN thì : Khi chuyển đổi loại hình DN từ Công ty TNHH sang công ty cổ phần phải thực hiện quyết toán thuế.

Về việc chuyển tài sản cho nhau khi chuyển đổi loại hình DN: Theo qui định tại điều 154 Luật DN thì sau khi chuyển đổi loại hình DN, công ty được chuyển đổi chấm dứt tồn tại; công ty chuyển đổi được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của công ty được chuyển đổi. Theo hướng dẫn tại công văn số 2926 TC/TCT ngày 14/3/2005 của BTC về việc chứng từ, thuế đối với tài sản dịch chuyển, góp vốn của DN thì việc chuyển tài sản sang DN mới không phải xuất hoá đơn GTGT. Việc hạch toán kế toán theo qui định của chế độ kế toán hiện hành.

Về mã số thuế của DN chuyển đổi: Theo qui định tại Thông tư số 10/2006/TT-BTC ngày 14/2/2006 của BTC hướng dẫn về đăng ký cấp MST thì: Các doanh nghiệp (trừ doanh

ng nghiệp tư nhân) chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ loại hình doanh nghiệp này sang loại hình doanh nghiệp khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật doanh nghiệp Nhà nước phải thực hiện kê khai đăng ký thuế với cơ quan Thuế. Trong thời hạn 5 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan Thuế cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế điều chỉnh cho doanh nghiệp sau chuyển đổi. Mã số thuế của doanh nghiệp sau chuyển đổi giữ nguyên là mã số thuế của doanh nghiệp trước chuyển đổi.

Câu hỏi 64: Chứng từ được dùng trong trường hợp tách doanh nghiệp: Công ty bị tách có phải xuất hoá đơn, chứng từ cho công ty được tách hay không? Nếu công ty bị tách dùng các thiết bị, máy móc, dây chuyền của mình góp vốn vào công ty được tách, như vậy có phải xuất hoá đơn hay chứng từ gì cho công ty được tách về tài sản góp vốn này không?

Trả lời:

Tại công văn số 2926 TC/TCT ngày 14/3/2005 của Bộ Tài chính có hướng dẫn:

Đối với tài sản góp vốn để thành lập doanh nghiệp, tài sản điều chuyển giữa các đơn vị thành viên trong doanh nghiệp; phân chia, hợp nhất trong trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên doanh nghiệp không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, TNDN.

Do đó trường hợp công ty bị tách dùng các thiết bị, máy móc, dây chuyền của mình góp vốn vào công ty được tách phải có chứng từ sau:

- Đối với tài sản góp vốn không phải đăng ký quyền sở hữu, phải có biên bản chứng nhận góp vốn, biên bản giao nhận tài sản, biên bản định giá tài sản, biên

bản điều chuyển tài sản. Các biên bản này được coi là chứng từ hợp pháp để xác định nguyên giá TSCĐ và được trích khấu hao theo quy định.

- Đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu phải xuất hoá đơn, trong hoá đơn ghi giá trị của tài sản đúng bằng giá trị tài sản góp vốn theo biên bản của hội đồng quản trị, dòng thuế GTGT không ghi và gạch chéo. Hoá đơn này là căn cứ chuyển quyền sở hữu tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tài sản góp vốn trong trường hợp này không phải nộp lệ phí trước bạ.

Câu hỏi 65: Có biện pháp gì để buộc doanh nghiệp niêm yết giá bán hàng hoá đã bao gồm thuế GTGT và phải xuất hoá đơn GTGT khi bán hàng ?

Trả lời:

Theo quy định tại điểm 1.1 và 1.2, Mục VI, Phần B Thông tư số 120/2002/TT-BTC ngày 30/12./2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 89/2002/NĐ-CP ngày 7/11/2002 của Chính phủ về việc in, phát hành, sử dụng, quản lý hoá đơn quy định: "Tổ chức, cá nhân khi bán hàng hoá, dịch vụ phải lập hoá đơn giao cho khách hàng. Hoá đơn phải được lập ngay khi cung cấp hàng hoá, dịch vụ và các khoản thu tiền phát sinh theo quy định".

Theo quy định trên các cơ sở kinh doanh khi cung cấp hàng hoá, dịch vụ phải xuất hoá đơn giao cho khách hàng ngay khi thu tiền hoặc chấp nhận thanh toán. Trường hợp người bán không xuất hoá đơn bán hàng, người mua có quyền từ chối thanh toán hoặc không thực hiện việc mua, bán hàng hoá.

Về kiến nghị biện pháp bắt buộc các doanh nghiệp phải niêm yết giá bán và bán theo giá niêm yết không thuộc chức năng quản lý của cơ quan thuế. Nếu doanh nghiệp phát hiện các trường hợp cơ sở kinh doanh bán hàng hoá không xuất hoá đơn giao cho người mua hoặc có hành vi gian lận về giá, DN có thể thông báo và cung cấp tài liệu cho cơ quan thuế hoặc cơ quan quản lý thị trường biết để xử lý gian lận về thuế hoặc gian lận về thương mại theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 66: DN tôi mua hàng và được DN A xuất hoá đơn nhưng ghi sai. DN A chỉ làm biên bản điều chỉnh (mà không xuất hoá đơn khác) có hợp lệ không? Văn bản nào hướng dẫn về vấn đề này?

Trả lời:

Căn cứ tiết 1.10, điểm 1, mục VI, phần B Thông tư số 120/2002/TT-BTC ngày 30/12/2002 của Bộ Tài chính thì:

Những trường hợp hoá đơn đã được xé rời khỏi quyển, sau đó phát hiện sai phải huỷ bỏ thì tổ chức, cá nhân phải lập biên bản có chữ ký xác nhận của bên mua hàng, bên bán hàng, nếu là tổ chức phải có ký xác nhận (đóng dấu) của người đứng đầu tổ chức; bên mua hàng, bên bán hàng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về số hoá đơn huỷ bỏ. Doanh nghiệp mua hàng yêu cầu DN A lập lại hóa đơn cho đúng.

Câu hỏi 67: DN thực hiện một số công trình thuộc vốn NSNN, bị bên A thanh toán chậm, mặc dù vẫn phải cấp hoá đơn GTGT để bên A làm thủ tục thanh toán, kê khai thuế. Liệu DN có thể nộp thuế chậm với các công trình này?

Trả lời :

Căn cứ theo quy định tại điểm 5.12, Mục IV, Phần B Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế GTGT “cơ sở xây dựng có công trình xây dựng, lắp đặt mà thời gian thực hiện dài, việc thanh toán tiền thực hiện theo tiến độ hoặc theo khối lượng công việc hoàn thành bàn giao, phải lập hoá đơn thanh toán khối lượng xây lắp bàn giao”.

Do vậy khi công ty BT có khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành bàn giao cho bên A phải viết hoá đơn GTGT và phải kê khai nộp thuế theo hoá đơn. Không phân biệt công trình xây dựng bằng nguồn vốn nào. Trường hợp công trình xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước chưa được bên A thanh toán kịp thời thì công ty xây dựng vẫn phải kê khai, nộp thuế theo đúng thời hạn quy định.

Câu hỏi 68: DN có một số cửa hàng giới thiệu, bán sản phẩm theo giá quy định . Xin cho biết cách ghi hoá đơn, hạch toán chi phí thế nào để tính thuế TNDN khi các cửa hàng hạch toán độc lập hay phụ thuộc vào doanh nghiệp?

Trả lời:

Theo quy định tại điểm 5.6, Mục IV, Phần B Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT thì: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh xuất điều chuyển hàng hoá cho các cơ sở hạch toán phụ thuộc như các chi nhánh, cửa hàng...ở khác địa phương (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) để bán hoặc xuất điều chuyển giữa các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc với nhau; xuất trả hàng từ đơn vị hạch toán phụ thuộc về cơ sở kinh doanh; căn cứ vào phương thức tổ chức kinh doanh và hạch toán kế toán, cơ sở có thể lựa chọn một trong hai cách sử dụng hoá đơn, chứng từ như sau:

- Sử dụng hoá đơn GTGT để làm căn cứ thanh toán và kê khai nộp thuế GTGT ở từng đơn vị và từng khâu độc lập với nhau.
- Sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ do Bộ Tài chính (Tổng cục thuế) phát hành kèm theo Lệnh điều động nội bộ.

Cơ sở hạch toán phụ thuộc khi bán hàng hoá dưới các hình thức phải lập hoá đơn theo quy định, đồng thời lập Bảng kê hàng hoá bán ra (theo mẫu số 02/GTGT ban hành kèm theo Thông tư 120/2003/TT-BTC) gửi về cơ sở có hàng hoá điều chuyển đến để các cơ sở này lập hoá đơn GTGT cho hàng hoá thực tế tiêu thụ.

Căn cứ theo quy định trên đây thì DN lựa chọn áp dụng một trong 2 cách trên đây; việc ghi hoá đơn cho các cửa hàng theo đúng giá mà DN đã ấn định
Các cửa hàng thực hiện đăng ký thuế, thủ tục đề nghị mua hoá đơn với cơ quan thuế địa phương nơi cửa hàng bán hàng hoá, dịch vụ. Khi bán hàng hoá phải thực hiện lập hoá đơn theo đúng giá thực tế giá bán ra của cửa hàng kê khai, nộp thuế đối với cơ quan thuế nơi cửa hàng thực hiện bán hàng hoá, dịch vụ.

Câu hỏi 69: Công ty được Nhà nước giao sử dụng 8000m² đất từ năm 1996 và 2000m² đất lưu không mặt đường. Khi Nhà nước thực hiện chế độ thu tiền thuê đất, công ty luôn nộp đủ phần 8000m². Đến 01/7/2004 Công ty được tỉnh giao (ký hợp đồng thuê đất) chính thức 2000m² đất lưu không và yêu cầu trưng thu tiền thuê từ năm 1996. Vì công ty đã chuyển đổi sang cổ phần hoá từ 01/7/2004 nên không có điều kiện để nộp tiền thuê của 2000m² (vì Nhà nước đã quyết toán thuế đến hết 30/6/2004). Trường hợp này giải quyết như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ thông Tư số 35/2001/TT-BTC ngày 25/5/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc nộp tiền thuê đất, góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước thì:

Tại Điểm 1, Điểm 2, Mục III, Phần I quy định: "diện tích tính tiền thuê đất là toàn bộ diện tích do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang quản lý, sử dụng vào sản xuất kinh doanh. Diện tích này được xác định theo hợp đồng thuê đất và bản kê khai đăng ký nộp tiền thuê đất; trường hợp chưa có hợp đồng thuê đất thì căn cứ vào hồ sơ giao đất hoặc hồ sơ bàn giao cơ sở sản xuất kinh doanh, hồ sơ thuê đất hoặc bản tự khai của người sử dụng đất; "thời điểm tính tiền sử dụng đất là thời điểm doanh nghiệp được bàn giao đất để sử dụng".

Tại Mục 1, Phần III quy định: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất thuộc đối tượng phải kê khai nộp tiền thuê đất không thực hiện đúng việc kê khai, nộp tiền thuê đất theo quy định thì cơ quan thuế căn cứ vào tài liệu điều tra và hồ sơ sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân do UBND xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan địa chính cung

cấp, có quyền quyết định các nội dung quy định về nộp tiền thuê đất và thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết để nộp tiền thuê đất, đồng thời thông báo cho các cơ quan liên quan biết.

Như vậy, công ty phải nộp tiền thuê đất trên toàn bộ diện tích đất đã sử dụng, tính từ thời điểm được bàn giao đất mặc dù công ty chưa ký hợp đồng thuê đất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp công ty thực hiện cổ phần hoá từ 1/7/2004 thì công ty cổ phần vẫn có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính của công ty trước khi cổ phần hoá.

Câu hỏi 70: DN thường bị chiếm dụng vốn liệu doanh nghiệp có thể được chậm nộp thuế 60 ngày hoặc xin cho biết các giải pháp khác ?

Trả lời:

- Trong quá trình hoạt động SXKD, DN có thể chiếm dụng vốn của các DN khác hoặc bị các DN khác chiếm dụng vốn. Việc chiếm dụng vốn của nhau là do các DN tự thoả thuận.
- Về các khoản thuế phải nộp cho Nhà nước, Các Luật thuế đã qui định cụ thể thời gian phải nộp số thuế phát sinh vào NSNN đối với từng sắc thuế cụ thể.

Đối với thuế GTGT, đây là loại thuế gián thu, ĐTNT chỉ là người nộp thay người mua, còn thuế GTGT DN mua vào đã được khấu trừ theo qui định. Thời hạn nộp số thuế GTGT của tháng chậm nhất không quá ngày 25 của tháng tiếp theo.

Đối với thuế TNDN, DN thực hiện kê khai thuế TNDN tạm nộp của năm ngay từ tháng 1 đầu năm theo mẫu 02A và chia làm 4 quý để tạm nộp vào NSNN. Thời hạn nộp thuế hàng quý chậm nhất là ngày cuối quý. Cuối năm sau khi lập tờ khai tự quyết toán thuế TNDN, nếu số thuế TNDN phải nộp lớn hơn số thuế TNDN kê khai, đã nộp thì DN nộp số thuế TNDN còn phải nộp vào NSNN. Trường hợp số thuế TNDN phải nộp nhỏ hơn số thuế TNDN kê khai, đã nộp thì số thuế TNDN nộp thừa được trừ vào số thuế TNDN phải nộp của năm sau.

- Tại điều 19 Luật thuế GTGT, điều 23 Luật thuế TNDN qui định nộp chậm tiền thuế, tiền phạt so với ngày qui định thì ngoài việc nộp đủ số tiền thuế, tiền phạt, đơn vị còn bị phạt nộp chậm mỗi ngày bằng 0,1% số tiền thuế, tiền phạt nộp chậm.

Việc qui định thời hạn nộp thuế trong các Luật thuế thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Giải quyết cho DN được chậm nộp thuế thời gian là 60 ngày vượt quá thẩm quyền của cơ quan thuế. Tuy nhiên Cục thuế cũng ghi nhận ý kiến của DN để báo cáo BTC và Chính phủ.

Câu hỏi 71: Công ty có nhập khẩu một số mặt hàng và xuất bán cho khách hàng. Trường hợp sau đó khách hàng phát hiện hàng hoá kém phẩm chất hoặc không đúng qui cách và đòi bồi thường. Khi đó công ty cũng yêu cầu phía nước ngoài bồi thường và họ đồng ý. Xin hỏi trong trường hợp này Công ty căn cứ vào credit note của phía nước ngoài và làm biên bản để trả lại cho khách hàng để giảm trừ công nợ được không? hay phải làm hoá đơn giảm trừ? (vì khi nhập và xuất hàng công ty đã làm hoá đơn xuất bán đầy đủ cho lô hàng rồi)?

Trả lời:

Theo qui định tại điểm 5.9 mục IV phần B Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 hướng dẫn về thuế GTGT thì: Cơ sở kinh doanh đã xuất bán, cung ứng hàng hoá, dịch vụ và lập hoá đơn do hàng hoá, dịch vụ không đảm bảo chất lượng, quy cách... phải điều chỉnh giảm giá bán hoặc bồi thường bằng tiền (không trả lại hàng) thì bên bán và bên mua phải lập biên bản hoặc có thoả thuận bằng văn bản ghi rõ số lượng, quy cách hàng hoá, mức giá giảm hoặc bồi thường theo hoá đơn bán hàng (số ký hiệu, ngày, tháng của hoá đơn, thời gian), lý do giảm giá hoặc bồi thường đồng thời bên bán lập hoá đơn để điều chỉnh mức giá được điều chỉnh. Hoá đơn ghi rõ điều chỉnh giá cho hàng hoá, dịch vụ tại hoá đơn số, ký hiệu... Căn cứ vào hoá đơn điều chỉnh giá, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh số mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào.

Câu hỏi 72: DN có thể ký hợp đồng môi giới XK với cá nhân nước ngoài? DN phải thu (hộ) các loại thuế nào? Thuế suất bao nhiêu? Hạch toán và kê khai thế nào?

Trả lời

Trong quá trình hoạt động SXKD, để tiếp cận với thị trường nước ngoài xuất khẩu hàng hoá ra nước ngoài, công ty có thể tìm kiếm các đối tác thông qua các hợp đồng môi giới xuất khẩu với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Theo qui định tại Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 11/1/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thuế áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân tại Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam thì:

- Trường hợp cá nhân nước ngoài kinh doanh không hiện diện tại Việt Nam nhưng có thu nhập phát sinh tại Việt Nam (trừ các đối tượng là các cá nhân người nước ngoài có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập theo pháp luật thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, bao gồm: Cá nhân nước ngoài vào Việt Nam làm việc trên cơ sở hợp đồng lao động ký với tổ chức, cá nhân Việt Nam; cá nhân nước ngoài có thu nhập phát sinh tại Việt Nam thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao (trừ các khoản thu nhập liệt kê tại điểm 2, Mục I, Phần A Thông tư này); cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam nhưng không có chứng từ chứng minh là cá nhân được phép hành nghề độc lập, tương ứng với các hoạt động mang lại thu nhập phát sinh tại Việt Nam) thì Công ty Việt Nam ký hợp đồng với cá nhân nước ngoài có trách nhiệm kê khai, nộp thay nghĩa vụ về thuế GTGT, TNDN của cá nhân nước ngoài. Khoản thuế nộp thay, công ty sẽ trừ vào thu nhập của người nước ngoài trước khi thanh toán cho cá nhân người nước ngoài. Phần thuế GTGT nộp thay, công ty được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.
- Về phương pháp tính thuế, thuế suất và kê khai nộp thuế được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư số 05/2005/TT-BTC nêu trên. Đề nghị công ty liên hệ với Cục thuế Hưng Yên để được hướng dẫn chi tiết.

Câu hỏi 73: Các chứng từ là hoá đơn bán lẻ có dấu vuông (ngoài hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng của Bộ Tài chính, hoá đơn được phép in) có được coi là chứng từ hợp pháp khi tính thuế TNDN? làm thế nào để biết hoá đơn tự in (được cấp khi mua hàng) là hợp pháp?

Trả lời:

1/ Tại điểm 4, Mục IV, Phần B Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT thì hoá đơn, chứng từ hợp pháp là:

- Hoá đơn do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) phát hành do cơ quan thuế cung cấp cho các cơ sở kinh doanh.
- Hoá đơn do các cơ sở kinh doanh tự in để sử dụng theo mẫu quy định và đã được cơ quan Thuế chấp nhận cho sử dụng.
- Các loại hoá đơn, chứng từ đặc thù khác được phép sử dụng.

Theo quy định trên đây thì hoá đơn bán lẻ của các cửa hàng tự in không đăng ký và được sự chấp thuận của cơ quan thuế, không thuộc các loại hoá đơn hợp pháp; vì vậy khi DN mua hàng hoá nhận được từ người bán hàng, hoá đơn bán lẻ nêu trên thì chi phí mua hàng hoá trên không được tính vào chi phí hợp lý khi tính thu nhập chịu thuế.

2/ Tại điểm 2.1b, Mục V, Phần B Thông tư số 120/2002/TT-BTC ngày 30/12/2002 của Bộ Tài chính quy định: "Mẫu hoá đơn do tổ chức, cá nhân tự thiết kế, mẫu hoá đơn phải có các chỉ tiêu như: Tên tổ chức, cá nhân; địa chỉ, mã số thuế, ký hiệu, số hoá đơn; tên, địa chỉ, mã số thuế

của đơn vị mua hàng, tên hàng hoá, dịch vụ, đơn vị tính, số lượng, đơn giá, tiền hàng; thuế suất thuế GTGT, tiền thuế GTGT (nếu có), tổng cộng tiền thanh toán, in theo văn bản số... ngày... tháng ... năm ..., của cơ quan thuế và tên nhà in hoá đơn”.

Tổ chức, cá nhân sau 5 ngày đăng ký lưu hành mẫu hoá đơn tự in phải thông báo bằng văn bản gửi đến cơ quan thuế và phải dán thông báo phát hành tại trụ sở, nơi bán hàng, nơi giao dịch.

Công ty căn cứ vào quy định trên để xác định hoá đơn hợp pháp và không hợp pháp.

Câu hỏi 74: DN tôi thuê kho ở địa phương khác thì có được mua và sử dụng phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ hoặc mua hai quyển hóa đơn GTGT để sử dụng cùng một lúc ?

Trả lời:

Tại điểm 2, mục II, phần C Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính quy định: “Trường hợp cơ sở hạch toán phụ thuộc ở khác địa phương nơi đóng trụ sở chính của văn phòng công ty, tổng công ty, không có tư cách pháp nhân, không có con dấu và tài khoản tiền gửi tại ngân hàng trực tiếp bán hàng hóa, dịch vụ, phát sinh doanh thu thì cơ sở hạch toán phụ thuộc phải kê khai, nộp thuế GTGT tại địa phương nơi phát sinh doanh thu... Công ty, Tổng công ty có trách nhiệm đăng ký cấp mã số thuế cho cơ sở hạch toán phụ thuộc, cơ sở hạch toán phụ thuộc sử dụng hóa đơn của đơn vị cấp trên”.

Căn cứ vào hướng dẫn trên, trường hợp doanh nghiệp có thuê kho hàng tại các tỉnh khác, kho hàng là đơn vị phụ thuộc không có tư cách pháp nhân, không có con dấu riêng và tài khoản tiền gửi ngân hàng, nhưng tại kho hàng đóng ở các tỉnh khác có bán hàng hóa, dịch vụ và phát sinh doanh thu thì sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp cấp trên.

Câu hỏi 75: Công ty TNHH có số lỗ lũy kế, chuyển sang công ty cổ phần. Khoản lỗ này có được chuyển qua các năm tiếp theo nguyên tắc chuyển lỗ không?

Trả lời:

Căn cứ điều 154 Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH-11 ngày 29/11/2005 thì khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH sang công ty cổ phần thì công ty cổ phần được hưởng quyền lợi và nghĩa vụ của công ty TNHH chuyển sang. Do đó công ty TNHH trước khi chuyển đổi có số lỗ đang được chuyển lỗ theo điểm 8, Mục III, phần E Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính thì khi chuyển đổi sang công ty cổ phần tiếp tục được chuyển lỗ theo số và năm đã đăng ký chuyển lỗ với cơ quan thuế.

Câu hỏi 76: Mặt bằng sản xuất của DN thuê tại xã A chỉ có hợp đồng thuê và phiếu thu tiền (không có hoá đơn GTGT) có được thanh toán vào chi phí sản xuất kinh doanh? Phải làm gì để đưa vào chi phí hợp lệ ?

Trả lời:

Căn cứ tiết 5.8, điểm 5, mục III, phần B Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 về thuế TNDN; Thông tư số 120/2002/TT-BTC ngày 30/12/2002 của Bộ Tài chính về chế độ hóa đơn chứng từ thì: Khoản chi thuê mặt bằng của xã Y, không có hóa đơn GTGT mà chỉ có

hợp đồng thuê mặt bằng và phiếu thu tiền không được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh khi xác định thu nhập chịu thuế. Để được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh khi xác định thu nhập chịu thuế doanh nghiệp yêu cầu đơn vị cho thuê mặt bằng mang hợp đồng thuê đến Chi cục thuế nơi xã A để được cấp hóa đơn lẻ.

Câu hỏi 77: Công ty A ký hợp đồng thuê đất với khách hàng B trong 30 năm, trả tiền trong vòng 4 năm, công ty đã xuất hóa đơn và kê khai thuế tương ứng với số tiền mỗi kỳ nhận được. Khách hàng B hoạt động được 5 năm thì ngừng hoạt động và đề nghị thanh lý hợp đồng với công ty, công ty phải thanh toán lại một phần số tiền đã thu cho khách hàng B. Hỏi khách hàng B có phải xuất hóa đơn tài chính cho công ty hay không? Nếu không thì tiền trả lại hạch toán giảm vào tài khoản doanh thu nhận trước (TK3357) có đúng không?

Trả lời:

Căn cứ điểm 5, mục IV, phần B Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 về thuế GTGT của Bộ Tài chính; Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 về chế độ kế toán của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì công ty A khi thanh toán lại một phần số tiền đã thu cho khách hàng B với lý do ngừng hoạt động như trình bày nêu trên, Công ty B phải xuất hóa đơn cho công ty A và ghi rõ lý do là nhận tiền trả lại để hai bên làm căn cứ điều chỉnh doanh thu, thuế GTGT đầu ra, đầu vào. Căn cứ hóa đơn này công ty A giảm trừ và tất toán tài khoản 3387 “doanh thu chưa thực hiện” – Chi tiết Công ty B.

Câu hỏi 78: DN tổ chức hội nghị, chi bằng phát tiền mặt, đúng chế độ, có danh sách và ký nhận của người nhận tiền. Bản danh sách đó có được coi là bản chứng từ để hạch toán chi phí ?

Trả lời:

Căn cứ tiết 1, khoản 1, Điều 9 Luật thuế TNDN thì chi hội nghị được xác định là khoản chi khác và bị khống chế tối đa không quá 10% tổng chi phí. Doanh nghiệp chỉ được tính vào chi phí hợp lý đối với các khoản chi hội nghị có hóa đơn chứng từ hợp pháp. Trường hợp, chi bằng phát tiền, người nhận ký vào bảng danh sách nhận tiền và mức chi dưới 100.000 đồng/người thì bảng danh sách nhận tiền được coi là chứng từ hợp pháp để doanh nghiệp tính vào chi phí hợp lý theo khoản chi khác được khống chế tối đa không quá 10% tổng chi phí theo quy định tại tiết 1, khoản 1, Điều 9 Luật thuế TNDN.

Câu hỏi 79: Về chi phí tiền lương, nếu trong năm đối tượng chịu thuế chi lương vượt quá tổng quỹ lương phải trả đã đăng ký với cơ quan thuế từ đầu năm thì có được chấp nhận là chi phí hợp lý không? Nếu đơn vị không đăng ký quỹ lương với cơ quan thuế thì xử lý như thế nào? Quỹ lương lao động hợp đồng thuê theo thời vụ trong quá trình sản xuất kinh doanh mới phát sinh thì giải quyết thế nào trong khi đó quỹ lương đã được đăng ký từ đầu năm?

Trả lời:

Theo hướng dẫn tại Điểm 1 Công văn số 994/TCT- PCCS ngày 17/3/2006 của Tổng cục thuế thì Cơ sở kinh doanh không đăng ký với cơ quan thuế về tổng quỹ lương phải trả trong năm, khi quyết toán thuế TNDN, cơ sở kinh doanh vẫn được tính tiền lương, tiền công thực tế chi trả cho người lao động theo đúng chế độ hợp đồng lao động vào chi phí hợp lý để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trường hợp có đăng ký quỹ tiền lương với cơ quan thuế trong năm nhưng chi trả thực tế vượt quá quỹ tiền lương đã đăng ký thì cần phải phân biệt để xử lý như sau:

- Nếu khoản chi vượt quá tổng quỹ lương đã đăng ký với cơ quan thuế nhưng đảm bảo phù hợp theo chế độ hợp đồng lao động thì vẫn được tính vào chi phí hợp lý.
- Nếu khoản chi vượt quá tổng quỹ tiền lương không phù hợp theo chế độ hợp đồng lao động thì không được tính vào chi phí hợp lý.

Về tiền lương trả cho hợp đồng thuê theo thời vụ được tính vào chi phí trả thực tế theo hợp đồng và chứng từ chi hợp pháp.

Câu hỏi 80: Doanh nghiệp mua TSCĐ để sản xuất có hợp đồng mua bán và được phòng công chứng chứng thực trên hợp đồng mua bán, nhưng không có hoá đơn. Vậy doanh nghiệp có được trích khấu hao TSCĐ vào chi phí, được trừ khi tính TNDN ?

Trả lời :

Theo quy định tại điểm 1.1, Mục III, Phần B, Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN quy định tài sản cố định được trích khấu hao vào chi phí hợp lý phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Tài sản cố định sử dụng vào sản xuất, kinh doanh.
- Tài sản cố định phải có đầy đủ hóa đơn, chứng từ và các giấy tờ hợp pháp khác chứng minh tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của cơ sở kinh doanh.
- Tài sản cố định phải được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của cơ sở kinh doanh theo chế độ quản lý và hạch toán kế toán hiện hành.

Đối chiếu với quy định trên đây, trường hợp doanh nghiệp mua TSCĐ đưa vào sản xuất kinh doanh không có hoá đơn, có hợp đồng mua bán (có chứng thực của phòng công chứng) cũng không được trích khấu hao TSCĐ tính vào chi phí khi tính thuế TNDN.

Câu hỏi 81: DN mua hàng hoá qua điện thoại của các tổ chức, cá nhân; có hợp đồng + hoá đơn bán hàng, giao hàng tại doanh nghiệp. Cơ quan thuế kiểm tra bên bán không có hàng hoá, bên mua không biết thì có bị vi phạm gì không? Mua thế nào cho hợp pháp ?

Trả lời:

Theo như trình bày của đơn vị thì hai bên có ký hợp đồng mua bán hàng hoá, giao hàng trực tiếp tại bên mua hàng. Khi giao hàng, bên bán xuất hoá đơn bán hàng theo đúng số lượng, giá trị, chủng loại mặt hàng, bên mua kiểm tra đúng và làm thủ tục nhập kho hàng hoá đồng thời thực hiện thanh toán tiền hàng cho bên bán thì việc mua bán trên là hợp pháp, bên mua được phép kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hoá mua vào và hạch toán chi phí hoạt động SXKD. Tuy nhiên khi cơ quan chức năng kiểm tra phát hiện bên bán không có hàng hoá trên tức là bên bán phải mua lại hàng hoá của đơn vị khác hoặc mua bán hàng hoá trôi nổi trên thị trường về để bán thì tùy theo từng trường hợp mà xử lý bên bán theo qui định. Nếu hàng hoá trên do bên bán hợp lý hoá của hàng nhập lậu, hàng hoá do tiêu thụ của kẻ gian bán ra hoặc các trường hợp khác liên quan đến vụ án... mà cơ quan pháp luật đang điều tra, xử lý... thì bên mua sẽ phải chấp nhận rủi ro không được chấp nhận hạch toán chi phí hoặc kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

Trường hợp hai bên lập hợp đồng bán hàng, xuất hoá đơn bán hàng nhưng thực tế không có hàng hoá mà chỉ hợp pháp hoá hoá đơn chứng từ hoặc bên mua hàng mua hoá đơn để hợp pháp hoá hàng trôi nổi thì bên bán và bên mua tùy theo từng trường hợp bị xử lý theo Thông tư liên tịch số 21/2004/TTLT/BCA-TAND-VKSND-BTC ngày 23/11/2004 hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi mua bán, sử dụng trái phép hoá đơn GTGT.

Câu hỏi 82: Hiện nay các đơn vị mà công ty trực tiếp bán hàng trả tiền thế GTGT rất chậm, do đó công ty kinh doanh hàng nông sản chậm nộp thuế so với quy định. Công ty bị xử phạt 0.1%/ngày nộp chậm như vậy là quá nặng, đề nghị cơ quan thuế xem xét giảm mức phạt này.

Trả lời :

Theo quy định tại Điểm 2, Mục I, phần E Thông tư số 120/2003/TT/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế GTGT thì :

“Nộp chậm tiền thuế hoặc tiền phạt ghi trong thông báo thuế, lệnh thu thuế hoặc quyết định xử phạt, thì ngoài việc nộp đủ số thuế hoặc tiền phạt theo luật định, mỗi ngày nộp chậm còn phải nộp phạt bằng 0.1%(một phần nghìn) số tiền chậm nộp”.

Căn cứ theo quy định trên, cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT thuộc mọi thành phần kinh tế (không phân biệt ngành nghề kinh doanh), có phát sinh số thuế GTGT chậm nộp thì mỗi ngày nộp chậm phải nộp phạt bằng 0.1% (một phần nghìn) số tiền thuế chậm nộp .

Vì vậy kiến nghị của Công ty đề nghị giảm mức phạt đối với hành vi nộp chậm tiền thuế không thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế. Cơ quan thuế ghi nhận để báo cáo cấp có thẩm quyền nghiên cứu giải quyết.

DANH SÁCH CÁC CÁN BỘ SỞ BAN NGÀNH VÀ CÁC DOANH NGHIỆP THAM GIA DIỄN ĐÀN TẠI HƯNG YÊN NĂM 2006

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CƠ QUAN	ĐỊA CHỈ	ĐT
1	Doãn Anh Quân	PGĐ	Sở kế hoạch và Đầu tư	TX Hưng Yên.	0321.863.457
2	Vũ Quang Triệu	TPĐKKD	Sở kế hoạch và Đầu tư	TX Hưng Yên.	0321.863.929
3	Anh Sơn	TPKTĐN	Sở kế hoạch và Đầu tư	TX Hưng Yên.	0321.865.127
4	Chị Xuân	PĐKKD	Sở kế hoạch và Đầu tư	TX Hưng Yên.	0321.863.929
5	Nguyễn Văn Sang	PDN	Sở kế hoạch và Đầu tư	TX Hưng Yên.	0321.550.687
6	Cao Xuân Hồng	PGĐ	Liên đoàn lao động tỉnh	TX Hưng Yên.	0321.863.628
7	Ngô Công Phương	GĐ	Điện lực Hưng Yên	TX Hưng Yên.	0321.863.867
8	Tạ Xuân Đoán	GĐ	Sở Nội vụ	TX Hưng Yên.	0321.863.434
9	Phạm Văn Quân	GĐ	Sở giao thông vận tải	TX Hưng Yên.	0321.863.621
10	Đào Hùng	GĐ	Ngân hàng Đầu tư và phát triển	TX Hưng Yên.	0913.280.242
11	Trần Ve	CT	Hội Cựu chiến binh tỉnh	TX Hưng Yên.	0321.863.546
12	Đ/c Phán	PCT	Hội Cựu chiến binh tỉnh	TX Hưng Yên.	0321.865.699
13	Đ/c Nguyệt	PGĐ	Ngân hàng phát triển	TX Hưng Yên.	0321.863.405
14	Đ/c Hùng	TPANKT	Công an tỉnh	TX Hưng Yên.	0321.863.488
15	Lê Minh Nhật	CT	Liên minh hợp tác xã	TX Hưng Yên.	0321.863.544
16	Đ/c Vinh	GĐ	Ngân hàng nông nghiệp	TX Hưng Yên.	0321.862.982
17	Phạm Xuân Trường	GĐ	Sở công nghiệp	TX Hưng Yên.	0321.863.527
18	Vũ Đức Sơn	PGĐ	Sở công nghiệp	TX Hưng Yên.	0321.863.525

19	Trần Văn Toán	PGĐ	Sở Tư pháp	TX Hưng Yên.	0321.550.324
20	Doãn Anh Tuấn	PGĐ	Sở nông nghiệp phát triển NT	TX Hưng Yên.	0321.863.927
21	Nguyễn Văn Ngọc	GĐ	Sở nông nghiệp phát triển NT	TX Hưng Yên.	0321.863.789
22	Nguyễn Thanh Quán	PCT	UBND tỉnh Hưng Yên	TX Hưng Yên.	0321.865.276
23	Nguyễn Bật Khách	PCT	UBND tỉnh Hưng Yên	TX Hưng Yên.	0321.863.606
24	Ngô Văn Dũng	CVKTHH	UBND tỉnh Hưng yên	TX Hưng Yên.	0321.515.181
25	Hoàng Anh Khôi	VP	Văn phòng Tỉnh uỷ	TX Hưng Yên.	0321.863.565
26	Nguyễn Xuân Trường	VP	Văn phòng Tỉnh uỷ	TX Hưng Yên.	0321.863.565
27	Lê Quang Huy	CT	Cục thuế	TX Hưng Yên.	0321.863.363
28	Đ/c Dành	PGĐ	Sở Thương mại du lịch	TX Hưng Yên.	0321.862.789
29	Lê Ngọc Sời	PGĐ	Sở TN&MT	TX Hưng Yên.	0321.863.387
30	Trần Văn Hồng	CVP	Chánh Văn Phòng	TX Hưng Yên.	0321.863.911
31	Nguyễn Văn Hoà	GĐ	Sở Bưu chính viễn thông	TX Hưng Yên.	0321.867.207
32	Nguyễn Hữu Phước	PV	Đài truyền hình	TX Hưng Yên.	0321.550.726
33	Phạm Hải Đăng	TPTS	Đài truyền hình	TX Hưng Yên.	0321.863.518
34	Đ/c Đán	GĐ	Đài truyền hình	TX Hưng Yên.	0321.863.912
35	Đ/c Ngọc	GĐ	Sở tài chính	TX Hưng Yên.	0321.863.454
36	Cán bộ	VPS	Sở tài chính	TX Hưng Yên.	0321.863.445
37	Vũ Công Ao	CT	Hội doanh nghiệp nhỏ và vừa	TX Hưng Yên.	0321.565.496
38	Vũ Thanh Bình	HT	Trường đại học SPKT	Khoái Châu	0321.713.115
39	Nguyễn Văn Minh	PGĐ	Bảo hiểm xã hội tỉnh	TX Hưng Yên.	0321.862.964
40	Vũ Thuý Quỳnh	CB	GTZ	Hà Nội	

41	Nguyễn Thúy Hằng	CB	Công ty MCG	Hà Nội	
42	Tô Ngọc Anh	CB	GTZ	Hà Nội	
43	Phan Thu Hiền	CBCT	GTZ	TX Hưng Yên.	0321.551.020
44	Doãn Hải Ninh	SỞ KHĐT	Ban điều phối	TX Hưng Yên.	0321.551.020
45	Đỗ Mai Ngoan	PV	Thông tấn xã VN tại Hưng Yên	TX Hưng Yên.	0321.863.561
46	Lệ Thu	PV	Báo Hưng Yên	TX Hưng Yên.	0321.550.335
47	Hoàng Linh	PV	Báo Hưng Yên	TX Hưng Yên.	0321.550.335
48	Ngọc Luyện	PV	Báo Hưng Yên	TX Hưng Yên.	0321.550.335
49	Lê Hữu Thuận	PGĐ	Sở Lao động TB&XH	TX Hưng Yên.	0321.864.514
50	Đ/c Bình	GD	Bưu điện tỉnh Hưng Yên	TX Hưng Yên.	0321.864.005
51	Đ/c Minh	TB	Ban quản lý các KCN	Mỹ Hào	0321.942.863
52	Đ/c Than	CCT	Chi cục Hải quan Hưng Yên	Mỹ Hào	0321.943.048
53	Phạm Thị Lan	GD	Cty CPDV bảo vệ Sao Mai	Văn Lâm-HY	0321.864.567
54	Chu Xuân Hùng	GD	Cty TNHH Điện tử Hùng Mạnh	Văn Lâm - HY	0321.980.241
55	Nguyễn Văn Khuyển	GD	Cty TNHH Trường Giang	Văn Lâm - HY	0321.964.575
56	Nguyễn Văn Tráng	GD	DNXD và KD vật liệu xây dựng	Văn Lâm - HY	0904.674.333
57	Đỗ Thanh Bình	GD	Cty TNHH SX&TM Thái Bình	Văn Lâm - HY	0321.980.109
58	Lê Minh Hải	GD	Cty TNHH TM Phương Hải	Văn Lâm - HY	0321.994.703
59	Vũ Thị Âu	GD	XNDV xăng dầu Thái Âu	Văn Lâm - HY	0321.985.658
60	Hoàng Đình Hoà	GD	DNTN Vàng bạc Hoà Huệ	Văn Lâm - HY	0321.985.845
61	Nguyễn Ngọc Hiến	GD	HTX gạch ngói Hoà Bình	Văn Lâm - HY	0321.981.833
62	Phạm Thị Thơm	GD	Cty TNHH vận tải &XD Thu Hương	Văn Lâm - HY	0321.982.029

63	Nguyễn Ngọc Tuấn	GĐ	Cy TNHH xây dựng Việt Tuấn	Văn Lâm - HY	0321.986.756
64	Đỗ Trọng Hùng	GĐ	Cty TNHH XDVT và TM Thành Đạt	Văn Lâm - HY	0321.994.015
65	Nguyễn Đức Thành	GĐ	Cty TNHH SX và TM Tiến Thành	Văn Lâm - HY	0321.985.974
66	Đỗ Thị Thanh Hiền	GĐ	Cty TNHH Thanh Hiền	Văn Lâm - HY	0321.985.986
67	Nguyễn Văn Tuấn	GĐ	Cty TNHH XD Minh Hải	Văn Lâm - HY	0321.986.756
68	Nguyễn Văn Thực	GĐ	Cty TNHH Sắt Thép	Văn Lâm - HY	0321.986.456
69	Đ/c Quý	GĐ	DNTN Tứ Quý	Văn Lâm - HY	0321.980.256
70	Đỗ Văn Hậu	GĐ	DNTN Minh Phương	Văn Lâm - HY	0321.994.652
71	Lê Văn Phiến	GĐ	Cty TNHH Minh Quang	Văn Lâm - HY	0321.983.015
72	Đình Văn Túy	GĐ	Cty CP Nhựa Tiến Đạt	Văn Lâm - HY	0321.985.956
73	Nguyễn Văn Hường	GĐ	Cty TNHH KD Kim loại màu	Văn Lâm - HY	0321.983.077
74	Nguyễn Đình Chiến	GĐ	Cty TNHH KD tái chế KL màu	Văn Lâm - HY	0321.983.076
75	Nguyễn Thị Thắm	GĐ	Cty SX DC TDTT Chiến Thắng	Văn Lâm - HY	0321.985.433
76	Lê Thị Sự	GĐ	DNVL xây dựng	Văn Lâm - HY	0321.982.009
77	Tống Thị Dung	GĐ	DNTN Minh Dung	Văn Lâm - HY	0912.292.416
78	Trịnh Minh Quân	GĐ	Cty TNHH Ngô Quyền	Văn Lâm - HY	0321.982.068
79	Nguyễn Văn Tiến	GĐ	Cty TNHH Hồng Tiến	Văn Lâm - HY	0321.982.003
80	Đỗ Đăng Hường	GĐ	Cty TNHH Đăng Hường	Văn Lâm - HY	0321.987.819
81	Đỗ Đình Vang	GĐ	Cy TNHH VINAMAST	Văn Lâm - HY	0321.985.645
82	Dương Văn Lượng	GĐ	Cty TNHH Hồng Trường Giang	Văn Lâm - HY	0321.985.736
83	Lê Văn Bấy	GĐ	Cty TNHH Tân Tiến	Khoái Châu - HY	0321.915.939
84	Vũ Tiến Thành	GĐ	DNTN Thành Huệ	Khoái Châu - HY	0321.920.008

85	Đỗ Văn Kính	GD	DNTN Đình Kính	Khoái Châu - HY	0321.929.401
86	Phạm Năng Tuyển	GD	Cty TNHH XD Hoàng Anh	Khoái Châu - HY	0321.911.103
87	Đỗ Văn Khương	GD	TTSX giống cây ăn quả Hưng Yên	Khoái Châu - HY	0321.923.018
88	Hoàng Văn Lượng	GD	Trung tâm giống Khoái Châu	Khoái Châu - HY	0321.923.032
89	Lê Đình Tiến	GD	Cty TNHH Vinh Phúc	Khoái Châu - HY	0321.911.533
90	Đỗ Văn Minh	GD	Cty VTHKDL Minh Vương	Khoái Châu - HY	0321.920.020
91	Đỗ Xuân Động	GD	DNTN Phương Nam	Khoái Châu - HY	0321.920.272
92	Đỗ Xuân Tân	GD	DNTN Chính Tân	Khoái Châu - HY	0321.920.082
93	Nguyễn Văn Việt	GD	Cty TNHH Tuấn Quang	Khoái Châu - HY	0321.920.350
94	Nguyễn Văn Thông	GD	DNTN Thông Thái	Khoái Châu - HY	0321.920.054
95	Phạm Trần Quyết	GD	Cty TNHH Hợp Thành	Khoái Châu - HY	0321.713.654
96	Nguyễn Đức Biên	GD	Cty TNHH CP Tô Châu	Khoái Châu - HY	0321.713.445
97	Chu Thị Nguyệt	GD	Cty TNHH Ánh Hồng	Khoái Châu - HY	0321.713.888
98	Đỗ Văn Đạt	GD	Cty TNHH Thành Đạt	Khoái Châu - HY	0321.920.555
99	Phạm Văn Tá	GD	Cty TNHH Việt Hoàng	Khoái Châu - HY	0321.921.354
100	Tạ Hồng Đức	GD	Cty TNHH TM - DV Phương Bắc	Khoái Châu - HY	0321.921.308
101	Nguyễn Thị Chuốt	GD	Cty TNHH Hải Yến	Khoái Châu - HY	0321.910.846
102	Đỗ Chí Hải	GD	DNTN Thìn Hoá	Khoái Châu - HY	0321.910.124
103	Đào Văn Mỹ	GD	Cty TNHH XD&TM Tân Hưng	Khoái Châu - HY	0321.910.349
104	Nguyễn Thị Thoan	GD	DNTN Quyết Thoan	Khoái Châu - HY	0321.910.094
105	Nguyễn Trọng Cao	GD	DNTN Quý Cao	Khoái Châu - HY	0321.910.493
106	Ngô Đình Tành	GD	Cty TNHH XD&TM Tành Vân	Khoái Châu - HY	0321.910.296

107	Lê Văn Thái	GD	Cty TNHH Hải Hưng	Khoái Châu - HY	0321.710.376
108	Dương Văn Hùng	GD	Cty TNHH Hoàng Hà	Khoái Châu - HY	0321.710.550
109	Nguyễn Văn Thoán	GD	Cty TNHH SX cây giống Bắc Nam	Khoái Châu - HY	0321.923.008
110	Lê Văn Thanh	GD	Cty TNHH SX giống cây ăn quả HY	Khoái Châu - HY	0321.923.030
111	Phạm Xuân Chiến	GD	Cty TNHH giống cây ăn quả H Thịnh	Khoái Châu - HY	0321.915.054
112	Nguyễn Ngọc Mỏ	GD	Cty TNHH Trường Sơn	Khoái Châu - HY	0321.915.871
113	Nguyễn Thị Hương	GD	Cty TNHH Hải Hoàn	Khoái Châu - HY	0321.923.018
114	Đỗ Duy Hoạt	GD	Cty cấp nước Hưng Yên	TX Hưng Yên	0321.863.014
115	Chu Đình Cao	GD	Cty CP đầu tư và Xây dựng	TX Hưng Yên	0321.550.212
116	Đoàn Văn Điền	GD	Cty CP kỹ nghệ TP Hưng Yên	TX Hưng Yên	0321.862.410
117	Nguyễn Minh Tân	GD	Cty CP Nhựa Hưng Yên	TX Hưng Yên	0321.863.107
118	Đào Văn Thái	GD	Cty CP May và Đay Hưng Yên	TX Hưng Yên	0321.862.273
119	Đỗ Đình Lâm	GD	Cty May Phố Hiến	TX Hưng Yên	0321.
120	Phạm Ngọc Thảo	GD	Cty CP công trình giao thông	TX Hưng Yên	0321.864.374
121	Nguyễn Quốc Văn	GD	Cty CP xuất nhập khẩu	TX Hưng Yên	0321.864.234
122	Nguyễn Quốc Trữ	GD	Cty TNHH Thành Yên	TX Hưng Yên	0321.862.458
123	Nguyễn Văn Trường	GD	Cty CP Thành Đạt	TX Hưng Yên	0321.864.539
124	Nguyễn Xuân Viên	GD	Cty TNHH Ngôi Sao Xanh	TX Hưng Yên	0321.565.299
125	Bùi Đăng Sơn	GD	XNXD Xuân Viên	TX Hưng Yên	0321.550.588
126	Cao Văn Hoàn	CN	HTX May Đại Đồng	TX Hưng Yên	0321.862.590
127	Vũ Văn Thắng	GD	DNTN Đức Thắng	TX Hưng Yên	0321.862.259
128	Nguyễn Văn Lanh	TGD	Cty CP cơ khí Dệt may	TX Hưng Yên	0321.862.206

129	Nguyễn T.T Hằng	GD	DNTN Linh Bằng	TX Hưng Yên	0321.864.935
130	Nguyễn Xuân Hứng	GD	Cty CP tư vấn tổng hợp	TX Hưng Yên	0321.864.352
131	Nguyễn Xuân Dương	TGD	Cty CP may Hưng Yên	TX Hưng Yên	0321.862.312
132	Trần Văn Bài	GD	Cty CP thực phẩm xuất khẩu	TX Hưng Yên	0321.862.366
133	Đào Hồng Phú	GD	Cty CP May II	TX Hưng Yên	0321.862.310
134	Nguyễn Văn Bình	PTGD	Cty TNHH LG Electronics VN	Văn Lâm - HY	04.8765480
135	Đỗ Hà Linh Vũ	GD	Cty TNHH Acecook	Văn Lâm - HY	0321.986.279
136	Nguyễn San	PTGD	Cty SXPT ô tô xe máy VN	Văn Lâm - HY	04.8621032
137	Mai Trung Thọ	GD	Cty TNHH Thái Dương	Văn Lâm - HY	0321.986.724
138	Nguyễn Hữu Thanh	GD	Cty TNHH Nhuộm Trung Thu	Văn Lâm - HY	0321.880.550
139	Lê Văn Sơn	GD	Cty SXKD TM Vạn Xuân	Văn Lâm - HY	0321.980.327
140	Nguyễn Đình Cường	GD	Cty TNHH Linh Châu I	Văn Lâm - HY	0321.944.333
141	Đình Quang Bào	GD	Cty SX&DV TM LADODA	Văn Lâm - HY	04.8765537
142	Công Chu Đức Toàn	GD	Cty TNHHXD Phương Thảo	Văn Lâm - HY	0321.980.280
143	Nguyễn Anh Vũ	GD	Cty SX&TM Vũ Hải	Văn Lâm - HY	0321.991.108
144	Chu Quang Vũ	GD	Cty CP Thép Hoà Phát	Văn Lâm - HY	0321.986.639
145	Đỗ Văn Sơn	GD	Cty Hà Văn	Văn Lâm - HY	0321.986.639
146	Đoàn Thị Kim Dung	GD	Cty PT mạng lưới toàn cầu ND	Văn Lâm - HY	0321.980.119
147	Lê Văn Bình	GD	Cty TNHH Phú Cường	Văn Lâm - HY	0321.991.109
148	Nguyễn Quốc Huy	GD	Cty TNHH XNK Tổng Hợp	Văn Lâm - HY	0321.986.597
149	Đặng Tuấn Hùng	GD	Cty TNHH Nhựa &CK Hồng Hải	Văn Lâm - HY	0321.980.467
150	Nguyễn Tuấn Hải	GD	Cty CP Anphanam	Văn Lâm - HY	0321.980.385

151	Nguyễn Bá Đài	GD	Cty TNHH An Hưng	Văn Lâm - HY	0321.982.137
152	Vũ Công Đức	GD	Cty XNK Nam Sơn	Văn Lâm - HY	0321.980.104
153	Ngô Thuý Hằng	PTGD	Cty TNHH Phương Đông	Mỹ Hào - HY	0321.954.397
154	Phạm Văn Thiện	GD	Cty lắp máy NN Miền Bắc	Mỹ Hào - HY	0321.955.025
155	Nguyễn Văn Hà	GD	Cty TNHH VIETBA	Mỹ Hào - HY	0321.944.055
156	Trần Đình Tân	GD	Cty SX&TM Thiên Trường	Mỹ Hào - HY	0321.955.235
157	Lương Thị Khoát	GD	Cty TNHH Minh Châu	Mỹ Hào - HY	0321.943.946
158	Dương Đình Khoa	GD	Cty TNHH Quốc tế Việt Séc	Mỹ Hào - HY	0321.942.693
159	Nguyễn Văn Định	GD	Cty CPMay và DV Hưng Long	Mỹ Hào - HY	0321.943.458
160	Nguyễn Thanh Hoàn	GD	Cty LDCT xe máy Lifan VN	Yên Mỹ - HY	0321.972.666
161	Nguyễn Cường	GD	Cty TNHH Sufat Việt Nam	Yên Mỹ - HY	0321.972.622
162	Phạm Thị Mai Thu	GD	Cty nước giải khát quốc tế vàng	Yên Mỹ - HY	0321.967.109
163	Đặng Văn Chiến	GD	Cty CP giày Hưng Yên	Yên Mỹ - HY	0321.975.152
164	Bùi Hoàng Hà	GD	Cty TNHH Yên Sơn	Yên Mỹ - HY	0321.972.521
165	Nguyễn Thanh Sơn	TGD	Cty CP Hoàng Sơn	Kim Động - HY	0321.715.256
166	Nguyễn Văn Hồng	GD	XN xây dựng Quang Hưng	Phù Cừ - HY	0321.854.172
167	Nguyễn Minh Đạo	GD	Cty TNHH Hải Hà	Phù Cừ - HY	0321.854.141
168	Nguyễn Văn Thi	GD	Cty CP bao bì Thanh Long	Yên Mỹ - HY	0321.964.914
169	Giang Thị Hằng	GD	Cty TNHH SX&TM Tân VAnh	Yên Mỹ - HY	0321.980.556
170	Hoàng văn Hiền	GD	DNTN Hoàng Hiền	Phù Cừ - HY	0321.854.298
171	Lothar Mahnke	Cố vấn cao cấp	Chương trình phát triển DNNVV		

M MỤC LỤC

GIỚI THIỆU	1
A THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP VÀ ĐẦU TƯ	2
1. Luật Doanh nghiệp, Thủ tục thành lập và đăng ký kinh doanh	2
2. Chủ sở hữu và quyền sở hữu doanh nghiệp	22
3. Ưu đãi đầu tư	24
B ĐẤT ĐAI VÀ MÔI TRƯỜNG	28
1. Doanh nghiệp tư nhân với quyền và mục đích sử dụng đất	28
2. Khu công nghiệp và quyền sử dụng đất	33
3. Thế chấp quyền sử dụng đất	35
4. Môi trường	38
C THUẾ	42
1. Hoàn thuế giá trị gia tăng	42
2. Kê khai, hạch toán thuế và nộp thuế	49
PHỤ LỤC:	
Danh sách các cán bộ Sở ban ngành và các Doanh nghiệp tham gia Diễn đàn tại Hưng yên năm 2006	72



Đối tác chính: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI)

Đối tác Thực hiện chính: Cục Phát triển DNNVV (ASMED) thuộc Bộ KHĐT (Cấu phần 1), Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (Cấu phần 2 và 3), Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Viện Khoa học Vật liệu (Cấu phần 4)

Các đối tác khác: Chính quyền địa phương tại các tỉnh được chọn, các hiệp hội kinh doanh, các viện nghiên cứu, các tổ chức cung cấp dịch vụ và các công ty trong nước và quốc tế

Địa điểm thực hiện Chương trình: Cấp trung ương (Hà Nội) và các tỉnh An Giang, Đắk Lắk, Hưng Yên và Quảng Nam.

Mục tiêu: Mục tiêu tổng thể của Chương trình Phát triển DNNVV là nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc khu vực tư nhân tại Việt Nam.

Các cấu phần:

Mục tiêu này được thực hiện thông qua 4 cấu phần thống nhất, phản ánh các lĩnh vực can thiệp hỗ trợ chính:

Cấu phần 1 - **Chính sách Phát triển DNNVV** tập trung vào việc tạo lập một môi trường pháp lý thuận lợi cho việc phát triển khu vực tư nhân.

Cấu phần 2 - **Phát triển Kinh tế Địa phương** hướng tới mục tiêu hỗ trợ thực hiện cải cách kinh tế và cải thiện các điều kiện đầu tư tại cấp tỉnh.

Cấu phần 3 - **Phát triển ngành hàng/chuỗi giá trị chọn lọc** tập trung vào việc xây dựng và tăng cường mối liên kết giữa doanh nghiệp trong các tiểu ngành nông-công nghiệp với các nhà sản xuất và các công ty chế biến nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trên các thị trường trong nước và quốc tế.

Cấu phần 4 - **Thử nghiệm Vật liệu và Dịch vụ Kỹ thuật Tiên tiến** tư vấn về việc phát triển các dịch vụ mới trong lĩnh vực thử nghiệm vật liệu và các dịch vụ chuyên biệt khác như quản lý chất lượng, quản lý môi trường và các tiêu chuẩn xã hội.



gtz

Chương trình Phát triển Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa Việt-Đức

84 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 7710073

Fax: (84-4) 7710076

Website: www.sme-gtz.org.vn